

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG



ISO 9001 : 2008

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN KIỂM TOÁN

Sinh viên: Nguyễn Minh Tuyết

Giảng viên hướng dẫn: ThS. Hòa Thị Thanh Hương

HẢI PHÒNG - 2011

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

HOÀN THIỆN CÔNG TÁC LPAJ VÀ PHÂN TÍCH
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN
VÀ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG HẢI PHÒNG

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN KIỂM TOÁN

Sinh viên: Nguyễn Minh Tuyết

Giảng viên hướng dẫn: ThS. Hòa Thị Thanh Hương

HẢI PHÒNG - 2011

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Nguyễn Thị Minh Tuyết

Mã SV: 110356

Lớp: QT1101K

Ngành: Kế toán Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác lập và phân tích bảng cân đối kế toán tại công ty cổ phần Bê tông và phát triển hạ tầng Hải Phòng

LỜI MỞ ĐẦU

Với nền kinh tế thị trường phát triển mạnh mẽ như hiện nay, kế toán đã trở thành công cụ quản lý kinh tế đặc biệt quan trọng. Bằng hệ thống các phương pháp khoa học của mình, kế toán đã giúp cho nhà quản trị thấy được bức tranh toàn cảnh về tình hình tài chính và quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp mình một cách đầy đủ, kịp thời và chính xác thông qua hệ thống các báo cáo tài chính, đặc biệt là bảng cân đối kế toán. Nhận thức được vị trí và tầm quan trọng đó, trong thời gian thực tập tại công ty cổ phần Bê tông và phát triển hạ tầng Hải Phòng, em đã mạnh dạn đi sâu nghiên cứu đề tài “Hoàn thiện công tác lập và phân tích bảng cân đối kế toán tại công ty cổ phần Bê tông và phát triển hạ tầng Hải Phòng”. Nội dung chính của bài khóa luận tốt nghiệp này gồm ba chương:

Chương 1: Một số vấn đề lý luận về công tác lập và phân tích bảng cân đối kế toán tại công ty cổ phần Bê tông và phát triển hạ tầng Hải Phòng.

Chương 2: Thực tế tổ chức công tác lập và phân tích bảng cân đối kế toán tại công ty cổ phần Bê tông và phát triển hạ tầng Hải Phòng.

Chương 3: Một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác lập và phân tích bảng cân đối kế toán tại công ty cổ phần Bê tông và phát triển hạ tầng Hải Phòng.

Bài báo cáo của em được hoàn thành dưới sự hướng dẫn chỉ dạy nhiệt tình của giảng viên Thạc sỹ Hòa Thị Thanh Hương, bộ môn quản lý kinh doanh cùng với sự giúp đỡ của ban lãnh đạo và phòng tài chính tổng hợp của quý công ty. Tuy nhiên, do hạn chế nhất định về trình độ và thời gian nên bài viết của em không tránh khỏi những sai sót. Em rất mong nhận được những ý kiến chỉ bảo của các thầy cô giáo để bài khóa luận tốt nghiệp của em được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn !

Hải Phòng, ngày 30 tháng 06 năm 2011

Sinh viên

Nguyễn Thị Minh Tuyết

CHƯƠNG 1:

MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ CÔNG TÁC LẬP VÀ PHÂN TÍCH BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TRONG DOANH NGHIỆP

1.1. Một số vấn đề chung về hệ thống báo cáo tài chính (BCTC)

1.1.1. Khái niệm báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính dùng để cung cấp thông tin về tình hình tài chính, tình hình kinh doanh và các luồng tiền của một doanh nghiệp, đáp ứng yêu cầu quản lý của chủ doanh nghiệp, cơ quan Nhà nước và nhu cầu hữu ích của những người sử dụng trong việc đưa ra các quyết định kinh tế.

1.1.2. Sự cần thiết của báo cáo tài chính trong công tác quản lý kinh tế.

Các nhà lãnh đạo, nhà quản trị doanh nghiệp muốn đưa ra những quyết định kinh doanh đúng đắn, đều căn cứ vào những điều kiện hiện tại và những dự đoán về tương lai, dựa trên những thông tin có liên quan đến quá khứ và kết quả kinh doanh mà doanh nghiệp đã đạt được. Những thông tin đáng tin cậy đó, các doanh nghiệp lập thành những bảng tóm lược, được gọi tên là các “Báo cáo tài chính”.

Xét trên tầm vi mô, những thông tin mang lại từ báo cáo tài chính giúp giảm thiểu rủi ro kinh tế cho các quyết định của lãnh đạo doanh nghiệp, của các nhà đầu tư, các cổ đông, chủ nợ hay khách hàng ...

Xét trên tầm vĩ mô, Nhà nước sẽ không thể quản lý được hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, của các ngành nghề kinh tế ... khi không có báo cáo tài chính. Điều này gây khó khăn cho Nhà nước trong việc quản lý và điều tiết nền kinh tế thị trường đa thành phần

Có thể khẳng định rằng hệ thống báo cáo tài chính là thực sự cần thiết trong công tác quản lý kinh tế.

1.1.3. Mục đích và vai trò của báo cáo tài chính

1.1.3.1. Mục đích

Báo cáo tài chính phải cung cấp những thông tin của một doanh nghiệp về:

a/ Tài sản

b/ Nợ phải trả và vốn chủ sở hữu

c/ Doanh thu, thu nhập khác, chi phí kinh doanh và chi phí khác

d/ Lãi, lỗ và phân chia kết quả kinh doanh

đ/ Thuế và các khoản nộp Nhà nước

e/ Tài sản khác có liên quan đến đơn vị kế toán

g/ Các luồng tiền.

Ngoài các thông tin này, doanh nghiệp còn phải cung cấp các thông tin khác trong “Bản thuyết minh báo cáo tài chính” nhằm giải trình thêm về các chỉ tiêu đã phản ánh trên các báo cáo tài chính tổng hợp và các chính sách kế toán đã áp dụng để ghi nhận các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, lập và trình bày báo cáo tài chính

1.1.3.2. Vai trò của báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính cung cấp nguồn thông tin quan trọng không chỉ đối với bản thân các đối tượng bên trong doanh nghiệp như lãnh đạo doanh nghiệp, cổ đông hay chủ sở hữu doanh nghiệp; mà còn phục vụ cả các đối tượng bên ngoài doanh nghiệp như các nhà đầu tư, khách hàng, những người cho vay ...

•Đối với doanh nghiệp:

Lãnh đạo doanh nghiệp cần nắm được những thông tin tổng hợp về tình hình tài sản, nguồn vốn, tình hình sản xuất và kết quả kinh doanh, những ưu nhược điểm của chu kỳ hoạt động vừa qua ... để có được những đánh giá chính xác về tình hình tài chính của doanh nghiệp mình, từ đó đưa ra các quyết định kinh tế trong tương lai.

Cổ đông (hoặc chủ sở hữu công ty) cần biết công ty của họ hoạt động thế nào, hiệu quả ra sao, qua đó xác định được giá trị đầu tư của họ trong doanh nghiệp tăng hay giảm ...

•Đối với các đối tượng ngoài doanh nghiệp:

Các nhà đầu tư, ngân hàng và những người cho vay cần tìm hiểu về tình hình tài chính của doanh nghiệp, khả năng thanh toán, khả năng sinh lời, phát triển của doanh nghiệp, từ đó mà ra quyết định có cho vay hay không, có đầu tư hay không, đầu tư vào lĩnh vực hoạt động nào và đầu tư nhiều hay ít ...

Khách hàng của doanh nghiệp cần đánh giá được năng lực sản xuất và tiêu thụ sản phẩm, mức độ uy tín của doanh nghiệp ... tiến tới quyết định có quan hệ mua bán sản phẩm hàng hóa với doanh nghiệp hay có ứng tiền trước khi mua hàng hay không ...

Các cơ quan hữu quan của Nhà nước như cơ quan thuế, cơ quan kiểm toán ... cần thông tin trong báo cáo tài chính doanh nghiệp phục vụ cho việc kiểm tra, kiểm toán, giám sát, tư vấn, hướng dẫn ... cho các doanh nghiệp thực hiện các chính sách, các chế độ kế toán tài chính, thuế ...

Cơ quan thống kê sử dụng thông tin từ báo cáo tài chính để thống kê, tổng hợp số liệu theo các chỉ tiêu kinh tế để từ đó tổng hợp số liệu báo cáo các mức độ tăng trưởng và điều tra quản lý kinh tế vi mô, vĩ mô.

1.1.4. Đối tượng áp dụng

Hệ thống báo cáo tài chính năm được áp dụng cho tất cả các loại hình doanh nghiệp thuộc các ngành và các thành phần kinh tế. Riêng các doanh nghiệp vừa và nhỏ vẫn tuân thủ các quy định chung tại phần này và những qui định, hướng dẫn cụ thể phù hợp với doanh nghiệp vừa và nhỏ tại chế độ kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Việc lập và trình bày báo cáo tài chính của các ngân hàng và tổ chức tài chính tương tự được quy định bổ sung ở Chuẩn mực kế toán số 22 "Trình bày bổ sung báo cáo tài chính của các ngân hàng và tổ chức tài chính tương tự" và các văn bản quy định cụ thể.

Việc lập và trình bày báo cáo tài chính của các doanh nghiệp ngành đặc thù tuân thủ theo quy định tại chế độ kế toán do Bộ Tài chính ban hành hoặc chấp thuận cho ngành ban hành.

Công ty mẹ và tập đoàn lập báo cáo tài chính hợp nhất phải tuân thủ quy định tại chuẩn mực kế toán "Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán khoản đầu tư vào công ty con".

Đơn vị kế toán cấp trên có các đơn vị kế toán trực thuộc hoặc Tổng công ty Nhà nước hoạt động theo mô hình không có công ty con phải lập báo cáo tài chính tổng hợp theo quy định tại Thông tư hướng dẫn kế toán thực hiện Chuẩn mực kế toán số 25 "Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán khoản đầu tư vào công ty con".

Hệ thống báo cáo tài chính giữa niên độ (Báo cáo tài chính quý) được áp dụng cho các DNNN, các doanh nghiệp niêm yết trên thị trường chứng khoán và các doanh nghiệp khác khi tự nguyện lập báo cáo tài chính giữa niên độ.

1.2. Yêu cầu và nguyên tắc lập báo cáo tài chính

1.2.1. Yêu cầu lập và trình bày báo cáo tài chính

Việc lập và trình bày báo cáo tài chính phải tuân thủ các yêu cầu qui định tại Chuẩn mực kế toán số 21 - Trình bày báo cáo tài chính, gồm:

- Trung thực và hợp lý;
- Lựa chọn và áp dụng các chính sách kế toán phù hợp với qui định của từng chuẩn mực kế toán nhằm đảm bảo cung cấp thông tin thích hợp với nhu cầu ra quyết định kinh tế của người sử dụng và cung cấp được các thông tin đáng tin cậy, khi:

- ✓ Trình bày trung thực, hợp lý tình hình tài chính, tình hình và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp;
- ✓ Phản ánh đúng bản chất kinh tế của các giao dịch và sự kiện không chỉ đơn thuần phản ánh hình thức hợp pháp của chúng;
- ✓ Trình bày khách quan, không thiên vị;
- ✓ Tuân thủ nguyên tắc thận trọng;
- ✓ Trình bày đầy đủ trên mọi khía cạnh trọng yếu.

Việc lập báo cáo tài chính phải căn cứ vào số liệu sau khi khoá sổ kế toán. Báo cáo tài chính phải được lập đúng nội dung, phương pháp và trình bày nhất quán giữa các kỳ kế toán. Báo cáo tài chính phải được người lập, kế toán trưởng và người đại diện theo pháp luật của đơn vị kế toán ký, đóng dấu của đơn vị.

1.2.2. Nguyên tắc lập và trình bày báo cáo tài chính

Việc lập và trình bày báo cáo tài chính phải tuân thủ sáu (06) nguyên tắc quy định tại Chuẩn mực kế toán số 21 – “Trình bày báo cáo tài chính”. Bao gồm: hoạt động liên tục, cơ sở dồn tích, nhất quán, trọng yếu và tập hợp, bù trừ và có thể so sánh

(1) Nguyên tắc hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính phải được lập trên cơ sở giả định là doanh nghiệp đang hoạt động liên tục và sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh bình thường trong tương lai gần. Khi đó, BCTC được lập trên cơ sở giá gốc mà không quan tâm đến giá thị trường.

Trường hợp doanh nghiệp có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc phải thu hẹp đáng kể qui mô hoạt động của mình và báo cáo tài chính không được lập trên cơ sở hoạt động liên tục, thì sự kiện này cần được nêu rõ, cùng với

cơ sở dùng để lập báo cáo tài chính và lý do khiến cho doanh nghiệp không được coi là đang hoạt động liên tục.

(2) Nguyên tắc cơ sở dồn tích

Theo cơ sở kế toán dồn tích, các giao dịch và sự kiện được ghi nhận vào thời điểm phát sinh, không căn cứ vào thời điểm thực thu, thực chi tiền và được ghi nhận vào sổ kế toán và báo cáo tài chính của các kỳ kế toán liên quan.

(3) Nguyên tắc nhất quán

Việc trình bày và phân loại các khoản mục trong báo cáo tài chính phải nhất quán từ niên độ này sang niên độ khác, trừ khi:

– Có sự thay đổi đáng kể về bản chất các hoạt động của doanh nghiệp hoặc khi xem xét lại việc trình bày báo cáo tài chính cho thấy rằng cần phải thay đổi để có thể trình bày một cách hợp lý hơn các giao dịch và các sự kiện

– Một chuẩn mực kế toán khác yêu cầu có sự thay đổi trong việc trình bày.

Việc thay đổi cách trình bày báo cáo tài chính chỉ được thực hiện khi cấu trúc trình bày mới sẽ được duy trì lâu dài trong tương lai hoặc nếu lợi ích của cách trình bày mới được xác định rõ ràng.

Khi có thay đổi, thì doanh nghiệp phải phân loại lại các thông tin mang tính so sánh cho phù hợp với các quy định của đoạn 30 và phải giải trình lý do và ảnh hưởng của sự thay đổi đó trong phần thuyết minh báo cáo tài chính.

(4) Tính trọng yếu và phù hợp

Từng khoản mục trọng yếu phải được trình bày riêng biệt trong báo cáo tài chính. Các khoản mục không trọng yếu thì không phải trình bày riêng rẽ mà được tập hợp vào những khoản mục có cùng tính chất hoặc chức năng.

Khi trình bày báo cáo tài chính, một thông tin được coi là trọng yếu nếu không trình bày hoặc trình bày thiếu chính xác của thông tin đó có thể làm sai lệch đáng kể báo cáo tài chính, làm ảnh hưởng đến quyết định kinh tế của người sử dụng báo cáo tài chính.

(5) Nguyên tắc bù trừ

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả trình bày trên báo cáo tài chính không được bù trừ, trừ khi một chuẩn mực kế toán khác quy định hoặc cho phép bù trừ.

Các khoản mục doanh thu, thu nhập khác và chi phí chỉ được bù trừ khi:

a) Được quy định tại một chuẩn mực kế toán khác.

b) Các khoản lãi, lỗ và các chi phí liên quan phát sinh từ các giao dịch và các sự kiện giống nhau hoặc tương tự và không có tính trọng yếu.

Các tài sản và nợ phải trả, các khoản thu nhập và chi phí có tính trọng yếu phải được báo cáo riêng biệt.

Việc bù trừ các số liệu trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hoặc Bảng cân đối kế toán, ngoại trừ trường hợp việc bù trừ này phản ánh bản chất của giao dịch hoặc sự kiện, sẽ không cho phép người sử dụng hiểu được các giao dịch hoặc sự kiện được thực hiện và dự tính được các luồng tiền trong tương lai của doanh nghiệp. Ví dụ:

+ Lãi (lỗ) khi bán chứng khoán = Thu bán chứng khoán – Giá gốc của chứng khoán

+ Lãi (lỗ) khi mua bán ngoại tệ = Thu bán ngoại tệ – Giá mua ngoại tệ

Các khoản bù trừ được trình bày là số lãi(lỗ) thuần.

(6) Nguyên tắc có thể so sánh

Các thông tin bằng số liệu trong báo cáo tài chính nhằm để so sánh giữa các kỳ kế toán phải được trình bày tương ứng với các thông tin bằng số liệu trong báo cáo tài chính của kỳ trước.

Các thông tin so sánh cần phải bao gồm cả các thông tin diễn giải bằng lời nếu điều này là cần thiết giúp cho những người sử dụng hiểu rõ được báo cáo tài chính của kỳ hiện tại.

1.3. Hệ thống báo cáo tài chính của doanh nghiệp

1.3.1. Hệ thống báo cáo tài chính (Theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Hệ thống báo cáo tài chính gồm:

- + Báo cáo tài chính năm
- + Báo cáo tài chính giữa niên độ.

1.3.1.1. Báo cáo tài chính năm

Báo cáo tài chính năm, gồm:

- | | |
|--|------------------|
| - Bảng cân đối kế toán | Mẫu số B 01 - DN |
| - Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh | Mẫu số B 02 - DN |
| - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ | Mẫu số B 03 - DN |
| - Bản thuyết minh báo cáo tài chính | Mẫu số B 09 - DN |

1.3.1.2. Báo cáo tài chính giữa niên độ

Báo cáo tài chính giữa niên độ gồm:

- + Báo cáo tài chính giữa niên độ dạng đầy đủ
- + Báo cáo tài chính giữa niên độ dạng tóm lược

(1) Báo cáo tài chính giữa niên độ dạng đầy đủ, gồm:

- Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (dạng đầy đủ) Mẫu số B 01a – DN
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ (dạng đầy đủ) Mẫu số B 02a – DN
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (dạng đầy đủ) Mẫu số B 03a – DN
- Bản thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc Mẫu số B 09a – DN

(2) Báo cáo tài chính giữa niên độ dạng tóm lược, gồm:

- Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (dạng tóm lược) Mẫu số B 01b – DN
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ (dạng tóm lược) Mẫu số B 02b – DN
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (dạng tóm lược) Mẫu số B 03b – DN
- Bản thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc Mẫu số B 09a – DN

1.3.1.3. Báo cáo tài chính hợp nhất

- Bảng cân đối kế toán hợp nhất Mẫu số B 01 – DN/HN
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất Mẫu số B 02 – DN/HN
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất Mẫu số B 03 – DN/HN
- Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất Mẫu số B 09 – DN/HN

1.3.1.4. Báo cáo tài chính tổng hợp

- Bảng cân đối kế toán tổng hợp Mẫu số B 01-DN
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp Mẫu số B 02-DN
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp Mẫu số B 03-DN
- Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp Mẫu số B 09-DN

1.3.2. Hệ thống báo cáo tài chính (Theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

1.3.2.1. Báo cáo bắt buộc:

- Bảng Cân đối kế toán Mẫu số B 01 - DNN
- Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh Mẫu số B 02 - DNN
- Bản Thuyết minh báo cáo tài chính Mẫu số B 09 - DNN

Báo cáo tài chính gửi cho cơ quan thuế phải lập và gửi thêm phụ biểu sau:

- Bảng Cân đối tài khoản: Mẫu số F 01- DNN

1.3.2.2. Báo cáo không bắt buộc mà khuyến khích lập:

- Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ Mẫu số B03-DNN

1.4. Trách nhiệm, kỳ lập, thời hạn nộp và nơi nhận Báo cáo tài chính

1.4.1. Trách nhiệm lập Báo cáo tài chính

- ***Đối với quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC***

(1) Tất cả các doanh nghiệp thuộc các ngành, các thành phần kinh tế đều phải lập và trình bày báo cáo tài chính năm.

Các công ty, Tổng công ty có các đơn vị kế toán trực thuộc, ngoài việc phải lập báo cáo tài chính năm của công ty, Tổng công ty còn phải lập báo cáo tài chính tổng hợp hoặc báo cáo tài chính hợp nhất vào cuối kỳ kế toán năm dựa trên báo cáo tài chính của các đơn vị kế toán trực thuộc công ty, Tổng công ty.

(2) Đối với DNNN, các doanh nghiệp niêm yết trên thị trường chứng khoán còn phải lập báo cáo tài chính giữa niên độ dạng đầy đủ.

Các doanh nghiệp khác nếu tự nguyện lập báo cáo tài chính giữa niên độ thì được lựa chọn dạng đầy đủ hoặc tóm lược.

Đối với Tổng công ty Nhà nước và DNNN có các đơn vị kế toán trực thuộc còn phải lập báo cáo tài chính tổng hợp hoặc báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (*).

(3) Công ty mẹ và tập đoàn phải lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (*) và báo cáo tài chính hợp nhất vào cuối kỳ kế toán năm theo quy định tại Nghị định số 129/2004/NĐ-CP ngày 31/5/2004 của Chính phủ. Ngoài ra còn phải lập báo cáo tài chính hợp nhất sau khi hợp nhất kinh doanh theo quy định của Chuẩn mực kế toán số 11 “Hợp nhất kinh doanh”.

((*) Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được thực hiện từ năm 2008)

- ***Đối với quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC***

Giám đốc (hoặc người đứng đầu) doanh nghiệp chịu trách nhiệm về lập và trình bày báo cáo tài chính.

Bao gồm tất cả các doanh nghiệp có quy mô nhỏ và vừa thuộc mọi lĩnh vực, mọi thành phần kinh tế trong cả nước là công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, công ty hợp danh và doanh nghiệp tư nhân, các hợp tác xã.

Việc lập và trình bày báo cáo tài chính của các doanh nghiệp có quy mô nhỏ và vừa thuộc lĩnh vực đặc thù tuân thủ theo quy định tại chế độ kế toán do Bộ Tài chính ban hành hoặc chấp thuận cho ngành ban hành.

1.4.2. Kỳ lập báo cáo tài chính

- ***Đối với quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC***

(1) Kỳ lập báo cáo tài chính năm

Các doanh nghiệp phải lập báo cáo tài chính theo kỳ kế toán năm là năm dương lịch hoặc kỳ kế toán năm là 12 tháng tròn sau khi thông báo cho cơ quan thuế. Trường hợp đặc biệt, doanh nghiệp được phép thay đổi ngày kết thúc kỳ kế toán năm dẫn đến việc lập báo cáo tài chính cho một kỳ kế toán năm đầu tiên hay kỳ kế toán năm cuối cùng có thể ngắn hơn hoặc dài hơn 12 tháng nhưng không được vượt quá 15 tháng.

(2) Kỳ lập báo cáo tài chính giữa niên độ

Kỳ lập báo cáo tài chính giữa niên độ là mỗi quý của năm tài chính (không bao gồm quý IV).

(3) Kỳ lập báo cáo tài chính khác

Các doanh nghiệp có thể lập báo cáo tài chính theo kỳ kế toán khác (như tháng, 6 tháng, 9 tháng...) theo yêu cầu của pháp luật, của công ty mẹ hoặc của chủ sở hữu.

Đơn vị kế toán bị chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi hình thức sở hữu, giải thể, chấm dứt hoạt động, phá sản phải lập báo cáo tài chính tại thời điểm chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi hình thức sở hữu, giải thể, chấm dứt hoạt động, phá sản.

- ***Đối với quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC***

Kỳ kế toán áp dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa là kỳ kế toán năm. Kỳ kế toán năm là mười hai tháng, tính từ đầu ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

Đơn vị kế toán có đặc thù riêng về tổ chức, hoạt động được chọn kỳ kế toán năm là mười hai tháng tròn theo năm dương lịch, bắt đầu từ đầu ngày 01 tháng đầu quý này đến hết ngày cuối cùng của tháng cuối quý trước năm sau và thông báo cho cơ quan Thuế biết.

Doanh nghiệp nhỏ và vừa phải lập và nộp báo cáo tài chính cho các cơ quan Nhà nước theo kỳ kế toán năm.

Các doanh nghiệp cũng có thể lập báo cáo tài chính hàng tháng, quý để phục vụ yêu cầu quản lý và điều hành hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp

1.4.3. Thời hạn nộp Báo cáo tài chính

•Đối với quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

1.Đối với doanh nghiệp nhà nước

a) Thời hạn nộp báo cáo tài chính quý:

- Đơn vị kế toán phải nộp báo cáo tài chính quý chậm nhất là 20 ngày, kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán quý; đối với Tổng công ty nhà nước chậm nhất là 45 ngày;

- Đơn vị kế toán trực thuộc Tổng công ty nhà nước nộp báo cáo tài chính quý cho Tổng công ty theo thời hạn do Tổng công ty quy định.

b) Thời hạn nộp báo cáo tài chính năm:

- Đơn vị kế toán phải nộp báo cáo tài chính năm chậm nhất là 30 ngày, kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm; đối với Tổng công ty nhà nước chậm nhất là 90 ngày;

- Đơn vị kế toán trực thuộc Tổng công ty nhà nước nộp báo cáo tài chính năm cho Tổng công ty theo thời hạn do Tổng công ty quy định.

2.Đối với các loại doanh nghiệp khác

-Đơn vị kế toán là doanh nghiệp tư nhân và công ty hợp danh phải nộp báo cáo tài chính năm chậm nhất là 30 ngày, kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm; đối với các đơn vị kế toán khác, thời hạn nộp báo cáo tài chính năm chậm nhất là 90 ngày;

- Đơn vị kế toán trực thuộc nộp báo cáo tài chính năm cho đơn vị kế toán cấp trên theo thời hạn do đơn vị kế toán cấp trên quy định.

•Đối với quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC

Đối với các công ty TNHH, công ty cổ phần và các hợp tác xã thời hạn gửi báo cáo tài chính năm chậm nhất là 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

Đối với doanh nghiệp tư nhân và công ty hợp danh, thời hạn gửi báo cáo tài chính năm chậm nhất là 30 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

1.4.4.Nơi nhận báo cáo tài chính

CÁC LOẠI DOANH NGHIỆP	Kỳ lập báo cáo	Nơi nhận báo cáo				
		Cơ quan tài chính	Cơ quan Thuế	Cơ quan Thống kê	DN cấp trên	Cơ quan đăng ký kinh doanh
1. Doanh nghiệp Nhà nước	Quý, Năm	x	x	x	x	x
2. Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	Năm	x	x	x	x	x
3. Các loại doanh nghiệp khác	Năm		x	x	x	x

1.5. Bảng cân đối kế toán và phương pháp lập bảng cân đối kế toán (Theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

1.5.1.Khái niệm bảng cân đối kế toán

Bảng cân đối kế toán là một bảng báo cáo tài chính tổng hợp dùng để khái quát toàn bộ tài sản và nguồn hình thành tài sản của doanh nghiệp thông qua thước đo tiền tệ tại một thời điểm nhất định.

Bảng cân đối kế toán giúp nhà quản trị thấy được toàn bộ giá trị tài sản hiện có, hình thái vật chất của tài sản, nguồn hình thành tài sản đó.

Bảng cân đối kế toán cung cấp số liệu cho việc phân tích tình hình tài chính của doanh nghiệp. Từ đó mà đánh giá khái quát tình hình tài chính, sự biến động tăng giảm của nguồn vốn chủ sở hữu

1.5.2.Nguyên tắc lập và trình bày Bảng cân đối kế toán

Theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, ngoài việc tuân thủ các nguyên tắc chung về lập và trình bày BCTC ở Chuẩn mực kế toán số 21- “Trình bày báo cáo tài chính”, trên bảng cân đối kế toán các khoản mục Tài sản và Nợ phải trả được trình bày riêng biệt thành ngắn hạn và dài hạn, tùy theo thời hạn của chu kỳ kinh doanh bình thường của doanh nghiệp, cụ thể như sau :

•*Đối với doanh nghiệp có chu kỳ kinh doanh bình thường trong vòng 12 tháng thì Tài sản và Nợ phải trả được phân biệt thành ngắn hạn và dài hạn theo điều kiện như sau :*

-Tài sản và Nợ phải trả được thu hồi hay thanh toán trong vòng 12 tháng tới kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm => được xếp vào loại ngắn hạn.

-Tài sản và Nợ phải trả được thu hồi hay thanh toán từ 12 tháng tới trở lên kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm => được xếp vào loại dài hạn.

•*Đối với doanh nghiệp có chu kỳ kinh doanh bình thường dài hơn 12 tháng thì Tài sản và Nợ phải trả được phân biệt thành ngắn hạn và dài hạn theo điều kiện như sau :*

-Tài sản và Nợ phải trả được thu hồi hay thanh toán trong vòng một chu kỳ kinh doanh bình thường => được xếp vào loại ngắn hạn.

-Tài sản và Nợ phải trả được thu hồi hay thanh toán dài hơn một chu kỳ kinh doanh bình thường => được xếp vào loại dài hạn.

1.5.3.Kết cấu và nội dung của bảng cân đối kế toán.

Theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, kết cấu của bảng cân đối kế toán mẫu B01-DNN được xây dựng theo 2 bên hoặc hai phần như sau :

A, PHẦN TÀI SẢN:

Phản ánh giá trị tài sản hiện có tại thời điểm lập báo cáo của tất cả đối tượng thuộc nhóm tài sản (theo tính lưu động giảm dần). Phần tài sản được chia làm 2 loại lớn: Tài sản ngắn hạn và tài sản dài hạn.

B, PHẦN NGUỒN VỐN:

Phản ánh giá trị tài sản hiện có tại thời điểm lập báo cáo của tất cả đối tượng thuộc nhóm nguồn vốn theo thời hạn thanh toán tăng dần. Phần nguồn vốn được chia làm 2 loại lớn: Nợ phải trả và nguồn vốn chủ sở hữu.

Trong từng loại còn chia thành nhiều mục, nhiều khoản để phản ánh chi tiết theo yêu cầu quản lý chung theo những quy định và sắp xếp thống nhất.

Biểu số 1.1:

Đơn vị:.....

Mẫu số B 01 - DNN

Địa chỉ:.....

(Ban hành theo QĐ số 48/2006 /QĐ-BTC

ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày.....tháng ... năm

Đơn vị tính:.....

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A	B	C	1	2
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100			
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	III.01		
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	III.05		
1. Đầu tư tài chính ngắn hạn	121			
2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn (*)	129		(...)	(...)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130			
1. Phải thu của khách hàng	131			
2. Trả trước cho người bán	132			
3. Các khoản phải thu khác	138			
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139		(...)	(...)
IV. Hàng tồn kho	140			
1. Hàng tồn kho	141	III.02		
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(...)	(...)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150			
1. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	151			
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	152			
3. Tài sản ngắn hạn khác	158			
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+230+240)	200			
I. Tài sản cố định	210	III.03.04		
1. Nguyên giá	211			
2. Giá trị hao mòn lũy kế (*)	212		(...)	(...)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	213			

Hoàn thiện công tác lập và phân tích bảng cân đối kế toán tại công ty cổ phần Bê tông và phát triển hạ tầng Hải Phòng

II. Bất động sản đầu tư	220			
1. Nguyên giá	221			
2. Giá trị hao mòn lũy kế (*)	222		(...)	(...)
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	230	III.05		
1. Đầu tư tài chính dài hạn	231			
2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	239		(...)	(...)
IV. Tài sản dài hạn khác	240			
1. Phải thu dài hạn	241			
2. Tài sản dài hạn khác	248			
3. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	249		(...)	(...)
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (250 = 100 + 200)	250			
NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 320)				
I. Nợ ngắn hạn	310			
1. Vay ngắn hạn	311			
2. Phải trả cho người bán	312			
3. Người mua trả tiền trước	313			
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	III.06		
5. Phải trả người lao động	315			
6. Chi phí phải trả	316			
7. Các khoản phải trả ngắn hạn khác	318			
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	319			
II. Nợ dài hạn	320			
1. Vay và nợ dài hạn	321			
2. Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm	322			
3. Phải trả, phải nộp dài hạn khác	328			
4. Dự phòng phải trả dài hạn	329			
B - VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400			
I. Vốn chủ sở hữu	410	III.07		
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411			

Hoàn thiện công tác lập và phân tích bảng cân đối kế toán tại công ty cổ phần Bê tông và phát triển hạ tầng Hải Phòng

2. Thặng dư vốn cổ phần	412			
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413			
4. Cổ phiếu quỹ (*)	414		(...)	(...)
5. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	415			
6. Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	416			
7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	417			
II. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	430			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440			

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Số cuối năm	Số đầu năm
1- Tài sản thuê ngoài		
2- Vật tư, hàng hoá nhận giữ hộ, nhận gia công		
3- Hàng hoá nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		
4- Nợ khó đòi đã xử lý		
5- Ngoại tệ các loại		

Lập, ngày ... tháng ... năm ...

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Ghi chú:

(1) Số liệu trong các chỉ tiêu có dấu (*) được ghi bằng số âm dưới hình thức ghi trong ngoặc đơn (...).

(2) Các chỉ tiêu không có số liệu thì không phải báo cáo nhưng không được đánh lại "Mã số".

(3) Doanh nghiệp có kỳ kế toán năm là năm dương lịch (X) thì "Số cuối năm" có thể ghi là "31.12.X"; "Số đầu năm" có thể ghi là "01.01.X".

1.5.4. Cơ sở số liệu, quy trình và phương pháp lập bảng cân đối kế toán

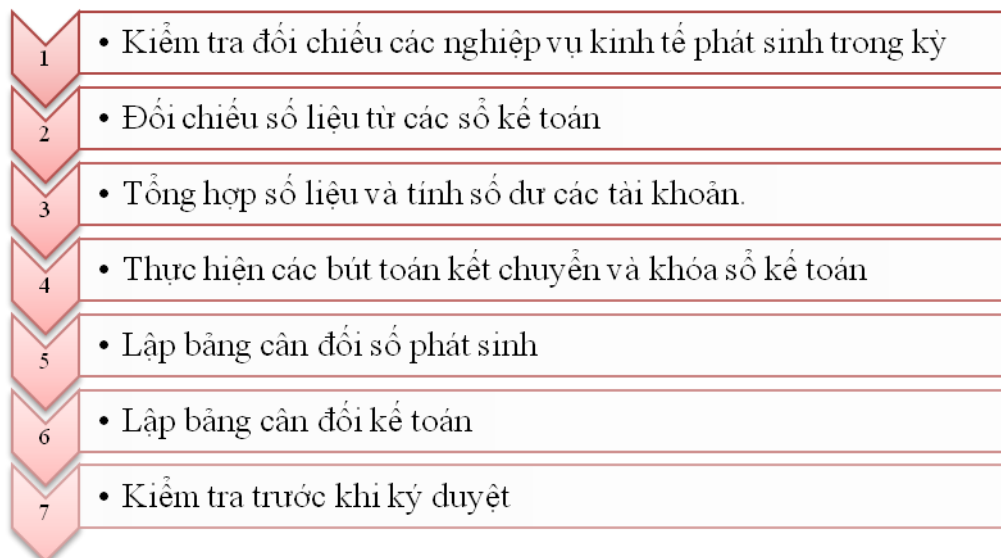
1.5.4.1. Cơ sở số liệu

- Căn cứ vào bảng cân đối kế toán ngày 31/12 năm trước.
- Căn cứ vào các sổ kế toán tổng hợp và chi tiết của các tài khoản đầu 1, 2, 3, 4 và TK loại 0.
- Căn cứ vào số liệu trên bảng cân đối số phát sinh.

1.5.4.2. Quy trình lập bảng cân đối kế toán

Quy trình lập bảng cân đối kế toán bao gồm 7 bước cơ bản, được thể hiện qua sơ đồ sau:

Sơ đồ 1.1: Quy trình lập bảng cân đối kế toán trong doanh nghiệp



1.5.4.3. Phương pháp lập bảng cân đối kế toán

-Cột “Chi tiêu” : để phản ánh các chỉ tiêu trên bảng cân đối kế toán
-Cột “Mã số”: để cộng khi BCTC tổng hợp hoặc BCTC hợp nhất.
-Cột “Thuyết minh”: là số hiệu các chỉ tiêu trong Bản thuyết minh BCTC”
năm thể hiện số liệu chi tiết của các chỉ tiêu này trong BCDKT.

-Cột “Số đầu năm”: căn cứ số liệu ở cột "Số cuối năm" của bảng CDKT ngày 31/12 năm trước để ghi.

-Cột “Số cuối năm”: căn cứ số dư cuối kỳ của các tài khoản tổng hợp và chi tiết phù hợp với từng chỉ tiêu trong BCDKT.

+Số dư Nợ của các tài khoản ghi vào các chỉ tiêu tương ứng phần “Tài sản”.

+Số dư Có của các tài khoản ghi vào các chỉ tiêu tương ứng phần “Nguồn vốn”.

*Một số tài khoản đặc biệt cần lưu ý:

-Các TK dự phòng (129, 139, 149, 159) và TK 214 - hao mòn tài sản cố định, mặc dù có số dư bên Có nhưng vẫn được ghi bên phần Tài sản bằng cách ghi âm.

-Các TK 412 - Chênh lệch đánh giá lại tài sản, TK 413 - Chênh lệch tỷ giá và TK 421 - Lợi nhuận chưa phân phối, có thể có số dư bên Nợ hoặc bên Có,

nhưng vẫn được ghi bên “ Nguồn vốn”. Nếu dư Nợ thì ghi âm, dư Có thì ghi bình thường.

-Các TK lưỡng tính, phải mở sổ chi tiết, cuối kỳ lập tổng hợp sau đó căn cứ vào số liệu tổng hợp để ghi vào bảng cân đối kế toán.

•Xét TK 131 - “ Phải thu của khách hàng”

+Dư Nợ : ghi vào bên “Tài sản”, chỉ tiêu “Phải thu khách hàng”

+Dư Có : ghi vào bên “Nguồn vốn”, chỉ tiêu “Người mua trả trước”

•Xét TK 331 - “ Phải trả người bán”

+Dư Nợ : ghi vào bên “Tài sản”, chỉ tiêu “Trả trước cho người bán”

Dư Có : ghi vào bên “Nguồn vốn”, chỉ tiêu “Phải trả người bán

Cụ thể như sau:

PHẦN TÀI SẢN

A: TÀI SẢN NGẮN HẠN - Mã số 100

$Ma\tilde{o}\ so\acute{a}\ 100 = Ma\tilde{o}\ so\acute{a}\ 110 + Ma\tilde{o}\ so\acute{a}\ 120 + Ma\tilde{o}\ so\acute{a}\ 130 + Ma\tilde{o}\ so\acute{a}\ 140 + Ma\tilde{o}\ so\acute{a}\ 150$

I. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN- Mã số 110

So\acute{a}\ lie\grave{a}\u00fa\ n\~{e}\grave{a}\ ghi v\grave{a}\o\grave{a}\ ch\~{e}\ tie\grave{a}\u00fa\ n\grave{a}\y\ l\grave{a}\ t\~{o}\ng\ so\acute{a}\ d\~{o}\ N\~{o}\i\ cu\~{a}\ TK 111 "Ti\~{e}\n\ m\~{a}\t", TK 112 "Ti\~{e}\n\ g\~{o}\i\ ng\~{a}\n\ h\~{a}\ng" v\grave{a}\ TK 113 “Ti\~{e}\n\ \d\~{a}\ng\ chuy\~{e}\n” tr\~{e}\n\ so\grave{a}\ c\~{a}\u00fa\i.

II. C\~{A}\c\ KHO\~{A}\u00c1N \~{N}\grave{A}\u00c1U T\~{O}\ T\~{A}\c\I CH\~{I}\NH NG\~{A}\c\N H\~{A}\I\N - Mã số 120

$Ma\tilde{o}\ so\acute{a}\ 120 = Ma\tilde{o}\ so\acute{a}\ 121 + Ma\tilde{o}\ so\acute{a}\ 129$

1. \~{N}\grave{a}\u00c1u t\~{o}\ t\~{a}\i ch\~{i}\nh ng\~{a}\c\N h\~{a}\i\N - Mã số 121

So\acute{a}\ lie\grave{a}\u00fa\ n\~{e}\grave{a}\ ghi v\grave{a}\o\grave{a}\ ch\~{e}\ tie\grave{a}\u00fa\ n\grave{a}\y\ l\grave{a}\ so\acute{a}\ d\~{o}\ N\~{o}\i\ cu\~{a}\ t\~{a}\c\I khoa\~{u}\n 121 "\~{N}\grave{a}\u00c1u t\~{o}\ t\~{a}\i ch\~{i}\nh ng\~{a}\c\N h\~{a}\i\N" tr\~{e}\n\ so\grave{a}\ c\~{a}\u00fa\i.

2. D\~{o}\i ph\~{o}\ng gia\~{u}\m gia\~{u}\ \~{n}\grave{a}\u00c1u t\~{o}\ t\~{a}\i ch\~{i}\nh ng\~{a}\c\N h\~{a}\i\N - Mã số 129

So\acute{a}\ lie\grave{a}\u00fa\ n\~{e}\grave{a}\ ghi v\grave{a}\o\grave{a}\ ch\~{e}\ tie\grave{a}\u00fa\ d\~{o}\i ph\~{o}\ng gia\~{u}\m gia\~{u}\ \~{n}\grave{a}\u00c1u t\~{o}\ ng\~{a}\c\N h\~{a}\i\N l\grave{a}\ so\acute{a}\ d\~{o}\ C\~{o}\u00fa\ cu\~{a}\ t\~{a}\c\I khoa\~{u}\n 129 "D\~{o}\i ph\~{o}\ng gia\~{u}\m gia\~{u}\ \~{n}\grave{a}\u00c1u t\~{o}\ ng\~{a}\c\N h\~{a}\i\N" tr\~{e}\n\ so\grave{a}\ c\~{a}\u00fa\i. So\acute{a}\ lie\grave{a}\u00fa\ ch\~{e}\ tie\grave{a}\u00fa\ n\grave{a}\y\ n\~{o}\i\c\ ghi b\~{a}\ng\ so\acute{a}\ \~{a}\m d\~{o}\u00fa\i h\~{i}\nh th\~{o}\c\ ghi trong ngo\~{a}\c\c\ n\~{o}\n: (***)

III. C\~{A}\c\ KHO\~{A}\u00c1N PH\~{A}\u00c1I THU NG\~{A}\N H\~{A}\N - Mã số 130

$Ma\tilde{o} số 130 = Ma\tilde{o} số 131 + Ma\tilde{o} số 132 + Ma\tilde{o} số 138 + Ma\tilde{o} số 139$

1. Phaûi thu cuûa khaùch haøng - Maõ số 131

Soá lieäu ñeã ghi vaøo chæ tieâu phaûi thu cuûa khaùch haøng caên cõu vaøo toaùng soá ðo Nõi taøi khoaûn 131 "Phaûi thu cuûa khaùch haøng", phần phải thu ngắn hạn, môû theo tõøng khaùch haøng treân soã chi tieát thanh toaùn.

2. Traû trõoüc cho ngõoøi baùn - Maõ số 132

Soá lieäu ñeã ghi vaøo chæ tieâu traû trõoüc cho ngõoøi baùn caên cõu vaøo toaùng soá ðo Nõi taøi khoaûn 331 "Phaûi traû cho ngõoøi baùn", chi tiết phải trả cho người bán trong ngắn hạn, môû theo tõøng ngõoøi baùn treân soã chi tieát thanh toaùn.

3. Caùc khoaûn phaûi thu khaùc - Maõ số 138

Soá lieäu ñeã ghi vaøo chæ tieâu caùc khoaûn phaûi thu khaùc laø soá ðo Nõi cuûa caùc TK 1388 "Phaûi thu khaùc", TK 3388 "Phaûi traû, phaûi noäp khaùc" vaø caùc taøi khoaûn thanh toaùn khaùc, chi tieát trong ngắn hạn theo tõøng ñoái töõing treân soã chi tieát.

4. Dõi phoøng caùc khoaûn phaûi thu khoù ñõoøi - Maõ số 139

Soá lieäu ñeã ghi vaøo chæ tieâu dõi phoøng caùc khoaûn phaûi thu khoù ñõoøi laø soá ðo Coù taøi khoaûn 139 "Dõi phoøng phaûi thu khoù ñõoøi", phần dự phòng phải thu ngắn hạn treân soã caùu. Soá lieäu chæ tieâu naøy ñõoøic ghi baèng soá âm ðõoøi hình thõuc ghi trong ngoaëc ñõn: (***)

V. HAØNG TOÀN KHO - Maõ số 140

$Ma\tilde{o} số 140 = Ma\tilde{o} số 141 + Ma\tilde{o} số 149$

1. Hàng tồn kho – Mã số 141

Soá lieäu ñeã ghi vaøo chæ tieâu này la tổng soá ðo Nợ các TK 152 “Nguyên vật liệu”, TK 153 “Công cụ dụng cụ”, TK 154 “Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang”, TK 155 “Thành phẩm”, TK 156 “Hàng hóa” và TK 157 “Hàng gửi bán” treân soã caùu.

2. Dõi phoøng giaûm giaù haøng toàn kho - Maõ số 149

Soá lieäu ñeã ghi vaøo chæ tieâu dõi phoøng giaûm giaù haøng toàn kho laø soá ðo Coù cuûa taøi khoaûn 159 "Dõi phoøng giaûm giaù haøng toàn kho"

trên sổ cái. Số liệu chi tiêu này ghi bằng số âm dưới hình thức ghi trong ngoặc đơn: (***)

V. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC - Mã số 150

$$\text{Mã số 150} = \text{Mã số 151} + \text{Mã số 152} + \text{Mã số 158}$$

1. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ - Mã số 151

Số liệu này ghi vào chi tiêu này là số Nợ nội tại khoản 133 "Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ" trên sổ chi tiết.

2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước - Mã số 152

Số liệu này ghi vào chi tiêu này là số Nợ của tài khoản 333 "Thuế và các khoản khác phải nộp Nhà nước" trên sổ chi tiết.

3. Tài sản ngắn hạn khác - Mã số 158

Số liệu này ghi vào chi tiêu này là tổng số Nợ của các TK 141 "Tạm ứng", TK 142 "Chi phí trả trước ngắn hạn" trên sổ cái và TK1381 "Tài sản thiếu chờ xử lý" trên sổ chi tiết.

B. TÀI SẢN DÀI HẠN - Mã số 200

$$\text{Mã số 200} = \text{Mã số 210} + \text{Mã số 220} + \text{Mã số 230} + \text{Mã số 240}$$

I. TÀI SẢN CÓ ÑÌNH - Mã số 210

$$\text{Mã số 210} = \text{Mã số 211} + \text{Mã số 212} + \text{Mã số 213}$$

1. Nguyên liệu - Mã số 211

Số liệu này ghi vào chi tiêu nguyên liệu là tổng số Nợ của các TK bao gồm TSCĐ hữu hình (TK 2111), TSCĐ thuê tài chính (TK 2112), TSCĐ vô hình (TK 2113) trên sổ chi tiết.

2. Giá trị hao mòn lũy kế - Mã số 212

Số liệu này ghi vào chi tiêu giá trị hao mòn lũy kế là tổng số Nợ của các TK 2141 "Hao mòn TSCĐ hữu hình", TK 2142 "Hao mòn TSCĐ thuê tài chính", TK 2143 "Hao mòn TSCĐ vô hình" trên sổ chi tiết. Số liệu chi tiêu này ghi bằng số âm dưới hình thức ghi trong ngoặc đơn: (***)

4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang – Mã số 213

Số liệu này ghi vào chi tiêu chi phí xây dựng cơ bản dở dang là số Nợ TK 241 "Xây dựng cơ bản dở dang" trên sổ cái.

II. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ – Mã số 220 (220= 221 + 222)

1. Nguyên giá - Mã số 221

Số liệu nữa ghi vào chế tiêu nguyên giá số dư Nội của TK 217 “Bất động sản đầu tư” trên Sổ cái.

2. Giá trị hao mòn lũy kế - Mã số 222

Số liệu nữa ghi vào chế tiêu giá trị hao mòn lũy kế số dư Còn TK 2144 “Hao mòn bất động sản đầu tư” trên sổ chi tiết. Số liệu chế tiêu này nữa ghi bằng số âm dưới hình thức ghi trong ngoặc nữa: (***)).

III. CÀC KHOẢN NÀU TỒ TẠO CHÍNH DẠI HẢI - Mã số 230

$$\text{Mã số 230} = \text{Mã số 231} + \text{Mã số 239}$$

1. Đầu tư tài chính dài hạn - Mã số 231

Số liệu nữa ghi vào chế tiêu nữa tài chính dài hải số dư Nội của tạo khoản 221 “Nữa tài chính dài hải” trên sổ cái.

2. Dữ phụng giá trị nữa tài chính dài hải - Mã số 239

Số liệu nữa ghi vào chế tiêu dữ phụng giá trị nữa tài chính dài hải, số dư Còn của tạo khoản 229 “Dữ phụng giá trị nữa tài chính dài hải” trên sổ cái. Số liệu chế tiêu này nữa ghi bằng số âm dưới hình thức ghi trong ngoặc nữa: (***)).

IV. TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC - Mã số 240

$$\text{Mã số 240} = \text{Mã số 241} + \text{Mã số 248} + \text{Mã số 249}$$

1. Phải thu dài hạn - Mã số 241

Số liệu nữa ghi vào chế tiêu phải thu dài hạn cần cõ vào tổng số dư Nội tạo khoản 131 “Phải thu của khách hàng” và số dư Nội tạo khoản 331 “Phải trả cho người bán”, phân loại theo dài hạn, mô theo tổng đối tượng trên sổ chi tiết thanh toán.

2. Tài sản dài hạn khác - Mã số 248

Số liệu nữa ghi vào chế tiêu các khoản phải thu khác số dư Nội của các TK 1388 “Phải thu khác”, TK 3388 “Phải trả, phải nộp khác” vào các tạo khoản thanh toán khác, phân loại theo dài hạn theo tổng nữa tổng trên sổ chi tiết.

3. Dự phụng phải thu dài hạn khó đòi - Mã số 249

Soá lieäu ñeã ghi vaøo chæ tieâu döi phoøng caùc khoaùn phaûi thu dài hạn khoù ñoøi laø soá dö Coù taøi khoaùn 139 "Döi phoøng phaûi thu khoù ñoøi", phần dự phòng phải thu dài hạn trên số cầu. Soá lieäu chæ tieâu naøy ñoøic ghi baèng soá âm döøui hình thòuc ghi trong ngoaëc ñôn: (***)

TỔNG CỘNG TÀI SẢN - Mã số 250

$$\text{Mã số 250} = \text{Mã số 100} + \text{Mã số 200}$$

PHẦN NGUỒN VỐN

A - NỢ PHAÛI TRẢ - Mã số 300

$$\text{Mã số 300} = \text{Mã số 310} + \text{Mã số 320}$$

I. NỢ NGẮN HẠN - Mã số 310

$$\text{Mã số 310} = \text{Mã số 311} + \text{Mã số 312} + \text{Mã số 313} + \text{Mã số 314} + \text{Mã số 315} + \text{Mã số 316} + \text{Mã số 318}$$

1. Vay ngắn hạn - Mã số 311

Soá lieäu ñeã ghi vaøo chæ tieâu vay ngaén haïn laø soá dö Coù cuõa taøi khoaùn 311 "Vay ngaén haïn" trên số cầu.

2. Phải trả cho người bán - Mã số 312

Soá lieäu ñeã ghi vaøo chæ tieâu phaûi traû cho ngöøoi baùn laø toång caùc soá dö Coù cuõa taøi khoaùn 331 "Phaûi traû cho ngöøoi baùn", được phân loại là ngắn hạn, môu theo töøng ngöøoi baùn trên số chi tiết thanh toán.

3. Người mua trả tiền trước - Mã số 313

Soá lieäu ñeã ghi vaøo chæ tieâu ngöøoi mua traû tieàn tröøuc caên cöu vaøo toång soá dö Coù cuõa TK 131 "Phaûi thu cuõa khaùch haøng", được phân loại là ngắn hạn, môu cho töøng khaùch haøng trên số chi tiết thanh toán,

4. Thuê và các khoản phải nộp Thuế nộp - Mã số 314

Soá lieäu ñeã ghi vaøo chæ tieâu theá vaø caùc khoaùn phaûi noäp Nhaø nöøuc laø soá dö Coù cuõa taøi khoaùn 333 "Thué vaø caùc khoaùn phaûi noäp Nhaø nöøuc", phần phải nộp ngắn hạn trên số chi tiết.

5. Phải trả công nhân viên - Mã số 315

Soá lieäu ñeã ghi vaøo chæ tieâu phaûi traû coâng nhaân vieân laø soá dö Coù cuõa taøi khoaùn 334 "Phaûi traû coâng nhaân vieân", phần phải trả ngắn hạn, trên số cầu.

6. Chi phí phải trả - Mã số 316

Số liệu ñể ghi vào chæ tiêu chi phí phaûi traû caên cõu vào số ñõ Cõu taõi khoaûn 335 "Chi phí phaûi traû", phaûn phaûi traû ngắnh hạn trên số càu.

7. Các khoản phải trả ngắn hạn khác - Mã số 318

Số liệu ñể ghi vào chæ tiêu phaûi traû, phaûi nõp khấu lợ số ñõ Cõu cõu càu TK 3388 "Phaûi traû, phaûi nõp khấu", TK 1388 "Phaûi thu khấu" vào càu taõi khoaûn thanh toành khấu, theo chi tiết các khoản phải trả phải nõp ngắnh hạn trên số chi tiết thanh toành.

8. Dự phòng phải trả ngắn hạn - Mã số 319

Số liệu ñể ghi vào chæ tiêu ñõi phõng phải trả ngắnh hạn, lợ số ñõ Cõu cõu taõi khoaûn 352 "Dự phòng phải trả", chi tiết dự phòng phải trả dài hạn trên số chi tiết.

II. NÕI DAÕI HAÏN - Mã số 320

$$\text{Mã số 320} = \text{Mã số 321} + \text{Mã số 322} + \text{Mã số 328} + \text{Mã số 329}$$

1. Vay và nợ dài hạn - Mã số 321

Số liệu ñể ghi vào chæ tiêu vay ñaõi haïn lợ số ñõ Cõu cõu taõi khoaûn 341 "Vay, nợ ñaõi haïn" trên số càu.

2. Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm - Mã số 322

Số liệu ñể ghi vào chæ tiêu quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm lợ số ñõ Cõu cõu taõi khoaûn 351 " Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm " trên số càu

4. Phải trả, phải nộp dài hạn khác - Mã số 328

Số liệu ñể ghi vào chæ tiêu phaûi traû, phaûi nõp khấu là tổng số ñõ Cõu cõu càu "TK 344 "Nhaân kỳu quyõ, kỳu cõõic ñaõi haïn", TK 3388 "Phaûi traû, phaûi nõp khấu", TK 3381 "Taõi saûn thõõa chõõ giaõu quyeat", TK 1388 "Phaûi thu khấu", theo chi tiết các khoản phải trả phải nõp, phải trả dài hạn trên số chi tiết .

5. Dự phòng phải trả dài hạn - Mã số 329

Số liệu ñể ghi vào chæ tiêu ñõi phõng phải trả dài hạn, lợ số ñõ Cõu cõu taõi khoaûn 352 "Dự phòng phải trả", chi tiết dự phòng phải trả dài hạn trên số chi tiết.

B. VOÁN CHUÛ SÔU HÕÕU - Mã số 400

$$\text{Mã số } 400 = \text{Mã số } 410 + \text{Mã số } 420$$

I.Vốn chủ sở hữu - Mã số 410

$\text{Mã số } 410 = \text{Mã số } 411 + \text{Mã số } 412 + \text{Mã số } 413 + \text{Mã số } 414 + \text{Mã số } 415 + \text{Mã số } 416 + \text{Mã số } 417.$

1.Vốn đầu tư của chủ sở hữu - Mã số 411

Số liệu này ghi vào các tài khoản vốn kinh doanh số dư Có của tài khoản 4111 " Vốn đầu tư của chủ sở hữu " trên sổ chi tiết.

2.Thặng dư vốn cổ phần - Mã số 412

Số liệu này ghi vào các tài khoản số dư Có của tài khoản 4112 " Thặng dư vốn cổ phần " trên sổ chi tiết. Tröông hõp tại khoaùn 4112 có số dư Nõ thì số liệu các tài khoản này nõõic ghi bằng số âm dõõuì hình thõc ghi trong ngoặc ñõn: (***)

3.Vốn khác của chủ sở hữu - Mã số 413

Số liệu này ghi vào các tài khoản số dư Có của tài khoản 4118 "Vốn khác" trên sổ chi tiết. Tröông hõp tại khoaùn 4118 có số dư Nõ thì số liệu các tài khoản này nõõic ghi bằng số âm dõõuì hình thõc ghi trong ngoặc ñõn: (***)

4.Cổ phiếu quỹ - Mã số 414

Số liệu này ghi vào các tài khoản số dư Có của tài khoản 419 " Cổ phiếu quỹ" trên sổ cái. Số liệu các tài khoản này nõõic ghi bằng số âm dõõuì hình thõc ghi trong ngoặc ñõn: (***)

5.Cheãnh leäch tyù giầu hõi ðoái - Mã số 415

Số liệu này ghi vào các tài khoản cheãnh leäch tyù giầu số dư Có tại khoaùn 413 "Cheãnh leäch tyù giầu hõi ðoái" trên sổ cái. Tröông hõp tại khoaùn 413 có số dư Nõ thì số liệu các tài khoản này nõõic ghi bằng số âm dõõuì hình thõc ghi trong ngoặc ñõn: (***)

6.Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu - Mã số 416

Số liệu này ghi vào các tài khoản quỹ phát triển kinh doanh số dư Có của tài khoản 418 "Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu" trên sổ cái.

7.Lãi chõa phaân phoái - Mã số 417

Số liệu này ghi vào các tài khoản lợi nhuận chõa phaân phoái số dư Có của tài khoản 421 " Lợi nhuận chõa phaân phoái" trên sổ cái.

Trở ông hợp tại khoa 421 có số đo Nội thì số liệu chæ tiêu này nội ghi bằng số âm để hình thức ghi trong ngoại: (***)

II. Quyển khen thưởng, phúc lợi - Mã số 430

Số liệu này ghi vào chæ tiêu quyển khen thưởng, phúc lợi số đo Có tại khoa 431 "Quyển khen thưởng, phúc lợi" trên sổ cái.

TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN - Mã số 440

$$\text{Mã số 440} = \text{Mã số 300} + \text{Mã số 400}$$

***Nội dung và phương pháp tính, ghi các chæ tiêu ngoại Bảng Cân đối kế toán**

1. Tại sân thuê ngoại

Số liệu này ghi vào chæ tiêu này lấy số đo Nội của tại khoa 001 - "Tại sân thuê ngoại" trên sổ cái.

2. Vật tố, hàng hóa nhận giao hoã, nhận gia công:

Số liệu này ghi vào chæ tiêu này lấy số đo Nội của tại khoa 002 "Vật tố, hàng hóa nhận giao hoã, nhận gia công" trên sổ cái.

3. Hàng hóa nhận bán hoã, nhận ký gửi:

Số liệu này ghi vào chæ tiêu này lấy số đo Nội của tại khoa 003 "Hàng hóa nhận bán hoã, nhận ký gửi" trên sổ cái.

4. Nội kho nội này xử lý

Số liệu này ghi vào chæ tiêu này lấy số đo Nội của tại khoa 004 "Nội kho nội này xử lý" trên sổ cái.

5. Ngoại teà các loại

Số liệu này ghi vào chæ tiêu này lấy số đo Nội của tại khoa 007 "Ngoại teà các loại" trên sổ cái.

1.5.4.4. Thực hiện kiểm tra trước khi ký duyệt

- Kiểm tra lại tính cân bằng và mối quan hệ giữa các chỉ tiêu trong BCDKT

Nghĩa là: Tổng Tài sản = Tổng Nguồn vốn

(Tài sản ngắn hạn + Tài sản dài hạn) = (Nợ phải trả + Vốn chủ sở hữu)

- Kiểm tra mối quan hệ giữa các chỉ tiêu trên BCDKT với các báo cáo tài chính khác.

-Kiểm tra nguồn số liệu và nội dung phản ánh các chỉ tiêu trên BCDKT, như nguyên giá TSCĐ, các loại chi phí trả trước, chi phí chờ kết chuyển ...

-Trình lên kế toán trưởng kiểm tra ký duyệt, cuối cùng trình lên giám đốc ký.

1.6.Phân tích bảng cân đối kế toán

1.6.1.Sự cần thiết phân tích bảng cân đối kế toán

Bảng cân đối kế toán là tài liệu quan trọng đối với việc nghiên cứu, đánh giá khái quát tình hình tài chính, quy mô cũng như trình độ quản lý và sử dụng vốn. Đồng thời cũng thấy được triển vọng kinh tế, tài chính của doanh nghiệp trong việc định hướng các quyết định kinh tế trong tương lai của người sử dụng thông tin.

Bởi vậy, phân tích bảng cân đối kế toán nhằm nắm bắt được mối quan giữa các chỉ tiêu, nắm rõ cơ cấu tài sản và nguồn hình thành tài sản, giúp nhà quản trị tìm ra điểm mạnh, điểm yếu trong công tác tài chính từ đó mà có hướng phát triển thích hợp trong tương lai.

Mặt khác, các nhà đầu tư, chủ nợ và những người sử dụng khác cần phân tích bảng cân đối kế toán, nắm bắt được thực lực tài chính của doanh nghiệp, từ đó mà ra các quyết định về đầu tư, về tín dụng hay các quyết định khác.

1.6.2.Phương pháp phân tích bảng cân đối kế toán

Có nhiều phương pháp khác nhau được sử dụng trong phân tích bảng cân đối kế toán: phương pháp so sánh, phương pháp cân đối, phương pháp tỷ lệ, phương pháp thay thế liên hoàn, hồi quy

1.6.2.1.Phương pháp so sánh:

Đây là phương pháp được sử dụng phổ biến trong phân tích tình hình tài chính, nhằm phản ánh kết quả, xác định vị trí và xu hướng biến động của các chỉ tiêu phân tích.

***So sánh tuyệt đối:**

-Là kết quả của phép trừ giữa trị số cột “Số cuối năm” với cột “Số đầu năm”, tương ứng từng chỉ tiêu cụ thể trên bảng cân đối kế toán.

-Phản ánh sự biến động về quy mô các chỉ tiêu trên bảng cân đối kế toán.

***So sánh tương đối:**

-Là kết quả của phép chia giữa trị số cột “Số cuối năm” với cột “Số đầu năm”, tương ứng từng chỉ tiêu cụ thể trên bảng cân đối kế toán.

-Phản ánh kết cấu, tốc độ phát triển của các chỉ tiêu trên bảng cân đối kế toán.

***So sánh theo chiều dọc:**

-Là xem xét tỷ trọng của từng chỉ tiêu tương ứng (cùng cột của báo cáo) trên bảng cân đối kế toán, so với tổng thể để thấy được tỷ lệ tương quan giữa chúng.

-Ví dụ: So sánh tỷ trọng của tài sản ngắn hạn và tài sản dài hạn trong tổng tài sản, so sánh tỷ trọng của nợ phải trả và vốn chủ sở hữu trong tổng nguồn vốn ...

***So sánh theo chiều ngang:**

-Là so sánh tất cả các chỉ tiêu bên phần tài sản và nguồn vốn giữa số cuối kỳ và đầu kỳ, cả về số tuyệt đối và tương đối.

-Nhằm thấy được xu thế biến động trong kỳ của từng chỉ tiêu. Khi phân tích, thường xem xét xu hướng biến động ấy trong mối quan hệ với các chỉ tiêu khác có liên quan, có như vậy mới rút ra được những kết luận chính xác.

1.6.2.2.Phương pháp cân đối:

Đây là phương pháp thực hiện việc mô tả và phân tích các hiện tượng kinh tế có quan hệ cân đối với nhau.

Phương pháp sử dụng để tính mức độ ảnh hưởng của từng nhân tố khi chúng có quan hệ tổng đại số với chỉ tiêu phân tích.

Sử dụng phương pháp phân tích này, sẽ giúp cho các nhà quản trị liên hệ giữa tình hình và nhiệm vụ kinh doanh cụ thể để đánh giá tính hợp lý của sự biến động theo từng chỉ tiêu cũng như biến động về tổng giá trị tài sản và nguồn vốn.

1.6.2.3.Phương pháp tỷ lệ:

Cho phép tích lũy dữ liệu và thúc đẩy quá trình tính toán hàng loạt, gồm có:

-Tỷ lệ khả năng thanh toán : Đánh giá khả năng đáp ứng các khoản nợ ngắn hạn của doanh nghiệp.

-Tỷ lệ khả năng cân đối vốn, nguồn vốn : Phản ánh mức độ ổn định và tự chủ tài chính.

-Tỷ lệ khả năng sinh lời : Phản ánh hiệu quả sản xuất kinh doanh tổng hợp nhất của doanh nghiệp

1.6.3. Nội dung của phân tích bảng cân đối kế toán

1.6.3.1.Đánh giá khái quát tình hình tài chính của doanh nghiệp

Đánh giá khái quát tình hình tài chính là việc tiến hành xem xét, nhận định sơ bộ bước đầu về tình hình tài chính của doanh nghiệp. Công việc này giúp cho nhà quản trị nắm bắt được tình hình tài chính của doanh nghiệp mình có khả quan hay không. Đồng thời đưa ra được những đánh giá khái quát về thực trạng tài chính doanh nghiệp mình.

Để đánh giá khái quát tình hình tài chính, cần tiến hành :

- Phân tích cơ cấu tài sản và tình hình biến động tài sản :
- Phân tích cơ cấu nguồn vốn và tình hình biến động nguồn vốn

a) Phân tích cơ cấu tài sản và tình hình biến động tài sản

Là việc thực hiện so sánh sự biến động trên tổng tài sản cũng như từng loại tài sản cuối năm so với đầu năm. Đồng thời xem xét tỷ trọng từng loại tài sản chiếm trong tổng số và xu hướng biến động của chúng để thấy được mức độ hợp lý của việc phân bổ.

Cụ thể, lập bảng phân tích tình hình biến động và cơ cấu tài sản như sau:

Biểu số 1.2: BẢNG PHÂN TÍCH TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VÀ CƠ CẤU TÀI SẢN

CHỈ TIÊU	Số đầu năm	Số cuối năm	Cuối năm so với đầu năm		Tỷ trọng(%)	
			Số tiền	Tỷ lệ	Đầu năm	Cuối năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN						
I. Tiền và các khoản tương đương tiền						
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn						
III. Các khoản phải thu ngắn hạn						
IV. Hàng tồn kho						
V. Tài sản ngắn hạn khác						
B - TÀI SẢN DÀI HẠN						
I. Các khoản phải thu dài hạn						
II. Tài sản cố định						
III. Bất động sản đầu tư						
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn						
V. Tài sản dài hạn khác						
TỔNG CỘNG TÀI SẢN						

b) Phân tích cơ cấu nguồn vốn và tình hình biến động nguồn vốn

Là việc thực hiện so sánh sự biến động trên tổng nguồn vốn cũng như từng loại nguồn vốn cuối năm so với đầu năm. Đồng thời xem xét tỷ trọng chiếm trong tổng số và xu hướng biến động của chúng để thấy được cơ cấu và việc sử dụng vốn. Cụ thể, lập bảng phân tích tình hình biến động và cơ cấu tài sản như sau:

Biểu số 1.3 BẢNG PHÂN TÍCH TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VÀ CƠ CẤU NGUỒN VỐN

CHỈ TIÊU	Số đầu năm	Số cuối năm	Cuối năm so với đầu năm		Tỷ trọng(%)	
			Số tiền (đ)	Tỷ lệ	Đầu năm	Cuối năm
A - NỢ PHẢI TRẢ						
I. Nợ ngắn hạn						
II. Nợ dài hạn						
B - VỐN CHỦ SỞ HỮU						
I. Vốn chủ sở hữu						
II. Quỹ khen thưởng, phúc lợi						
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN						

1.4.3.2. Phân tích khả năng thanh toán của doanh nghiệp

a) Khả năng thanh toán tổng quát

$$\text{Tỷ số thanh toán tổng quát} = \frac{\text{Tổng TS}}{\text{Nợ phải trả}}$$

Chỉ tiêu này cho biết, tại thời điểm lập báo cáo tài chính, nếu bán toàn bộ tài sản hiện có thì doanh nghiệp có đủ khả năng để thanh toán các khoản nợ hay không? Hệ số càng lớn thì khả năng thanh toán của doanh nghiệp càng cao, tình hình tài chính càng lành mạnh và ngược lại. Trong doanh nghiệp, hệ số này phải luôn luôn lớn hơn hoặc bằng 1, hệ số thanh toán tổng quát càng nhỏ hơn 1 thì tình hình tài chính của doanh nghiệp càng xấu. Nếu hệ số thanh toán tổng quát nhỏ hơn 0,5 doanh nghiệp đang mất khả năng thanh toán, tình hình tài chính khó khăn.

b) Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn

$$\text{Hệ số thanh toán nợ ngắn hạn} = \frac{\text{Tổng tài sản ngắn hạn}}{\text{Tổng nợ ngắn hạn}}$$

Chỉ tiêu hệ số thanh toán nợ ngắn hạn chỉ rõ khả năng chi trả các khoản nợ ngắn hạn đến hạn của doanh nghiệp. Giá trị của chỉ tiêu này càng lớn, thì khả năng tài chính của doanh nghiệp càng lành mạnh. Ở các nước phát triển, hệ số thanh toán nợ ngắn hạn thường lớn hơn hoặc bằng 2. Trong điều kiện Việt Nam, hệ số này phải luôn luôn lớn hơn hoặc bằng 1. Nếu càng nhỏ hơn 1, khả năng thanh toán các khoản nợ ngắn hạn đến hạn của doanh nghiệp càng giảm. Khi hệ số thanh toán nợ ngắn hạn bằng 0, doanh nghiệp đã mất khả năng thanh toán nợ ngắn hạn.

c) Khả năng thanh toán nhanh

$$\text{Hệ số thanh toán nhanh} = \frac{\text{Tiền và tương đương tiền}}{\text{Tổng nợ ngắn hạn}}$$

Hệ số thanh toán nhanh sử dụng để đánh giá khả năng thanh toán ngay các khoản nợ ngắn hạn đến hạn của doanh nghiệp. Hệ số thanh toán nhanh càng cao thì khả năng thanh toán công nợ của doanh nghiệp càng cao và ngược lại. Tuy nhiên, nếu hệ số này quá cao thì vốn bằng tiền quá nhiều, vòng quay vốn lưu động thấp, hiệu quả sử dụng vốn không cao. Thông thường, hệ số này ở trong khoảng xấp xỉ 0,5 là hợp lý hơn cả.

CHƯƠNG 2:

THỰC TẾ TỔ CHỨC CÔNG TÁC LẬP VÀ PHÂN TÍCH BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG VÀ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG HẢI PHÒNG

2.1. Tổng quan về công ty cổ phần Bê tông và phát triển hạ tầng Hải Phòng.

2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển của công ty cổ phần Bê tông và phát triển hạ tầng Hải Phòng.

❖ Tên Công ty

- Tên tiếng Việt: Công ty Cổ phần Bê tông và phát triển hạ tầng Hải Phòng
- Tên giao dịch quốc tế: HAI PHONG CONCRETE AND INFRASTRUCTURE DEVELOPMENT JOINT STOCK COMPANY
- Tên viết tắt: HPCID

❖ Địa chỉ trụ sở chính

- Địa chỉ: Lô G62 A-B Khu biệt thự Mê Linh, Anh Dũng, D-ong Kinh, Hải Phòng
- Số điện thoại : 0313.814.278
- Fax : 0313.814.378
- Email : bhthp09@gmail.com

❖ Đăng ký kinh doanh

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0203001031 do Sở Kế Hoạch và Đầu T- Thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 23/09/2004, thay đổi lần thứ 5 ngày 02/6/2009.
- Mã số thuế : 0200600526

❖ Vốn kinh doanh

- Vốn điều lệ : 5.250.000.000 đồng (Năm tỷ hai trăm năm m- ời triệu đồng)
- Tài khoản tại Ngân hàng:
 - Ngân hàng th- ơng mại cổ phần quốc tế Việt Nam VIB, chi nhánh tại Hải Phòng TK số : 009704060001446
 - Ngân hàng th- ơng mại cổ phần Quân đội, chi nhánh tại Hải Phòng TK số : 2541100038003 và 2511100424004

2.1.2. Chức năng, ngành nghề kinh doanh của công ty cổ phần Bê tông và phát triển hạ tầng Hải Phòng

***Hình thức sở hữu vốn:** Công ty Cổ phần

***Ngành nghề kinh doanh chính:**

- +Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng khu đô thị, khu công nghiệp
- +Xây dựng các công trình giao thông đường bộ, đường thủy
- +Nạo vét luồng lạch kênh mương
- +Xây dựng các công trình thủy lợi, thủy điện
- +Xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp
- +Xây dựng các công trình cấp, thoát nước và san lấp mặt bằng
- +Xây dựng các công trình điện trung, hạ thế
- +Sản xuất cấu kiện bê tông đúc sẵn
- +Khảo sát, tư vấn, thiết kế các công trình thủy lợi, dân dụng và công nghiệp

•Hệ thống quản lý chất lượng các sản phẩm, dịch vụ của Công ty được công nhận đạt tiêu chuẩn ISO 9001: 2000 bởi tổ chức GIC, giấy chứng nhận số 5042.

2.1.3. Thuận lợi, khó khăn và thành tích công ty đã đạt được

2.1.3.1. Thuận lợi :

***Khách quan:**

-Hải Phòng là thành phố trẻ, đang trên đà phát triển và đẩy mạnh tốc độ xây dựng, đô thị hoá, nên đã tạo cho công ty được một địa bàn hoạt động tư vấn thiết kế, kinh doanh vật liệu xây dựng rộng rãi.

-Hàng năm, các trường Đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp tại Hải Phòng nói riêng và cả nước nói chung, cho ra đời một lượng đông đảo nguồn lao động, đáp ứng được nhu cầu tuyển dụng, mở rộng sản xuất của công ty

***Chủ quan :**

-Hội đồng quản trị trực tiếp là ban giám đốc công ty là những con người trẻ, có trình độ, có nhiệt huyết, lãnh đạo công ty là khối đoàn kết nhất trí cao hoạt động có hiệu quả.

-Công ty có đội ngũ thợ lành nghề và nhiều kỹ sư giàu kinh nghiệm trong chuyên môn.

-Đã tạo được uy tín trên thị trường Hải Phòng và các tỉnh lân cận, nhận được nhiều công trình xây dựng hạ tầng, đê kè chắn sóng, thủy lợi... thuộc dự án cấp tỉnh, huyện.

-Phòng kế hoạch - kỹ thuật của công ty đã hoàn thành tốt công tác nghiên cứu và tìm mua đ- ọc các máy móc thiết bị phục vụ sản xuất hiện đại, tạo ra sản phẩm đạt chất l- ượng tốt, đ- ọc thị tr- ờng chấp nhận và tin cậy.

2.1.3.2.Khó khăn

***Khách quan:**

-Hiện nay, trên địa bàn Hải Phòng có nhiều doanh nghiệp khác cũng đang hoạt động cùng lĩnh vực với công ty, nên việc tìm và chiếm lĩnh thị tr- ờng là không dễ.

-Trong ba năm trở lại đây, tình hình nền kinh tế có nhiều biến động, giá cả thị tr- ờng không ổn định, khiến cho công ty gặp khó khăn trong việc định giá bán sản phẩm sao cho phù hợp với thị tr- ờng và mục tiêu kinh doanh của mình.

***Chủ quan:**

-Công ty còn non trẻ, mới thành lập đ- ọc 7 năm, nên công tác tổ chức quản lý vẫn còn nhiều thiếu sót, số l- ượng nhân viên làm việc tại các phòng ban, thực hiện công tác quản lý còn ít, nên khối lượng công việc mà từng ng- ời phải đảm nhiệm là rất lớn.

-Vốn đầu t- để mở rộng sản xuất, để mở chi nhánh tại các tỉnh thành lân cận là ch- a đủ mạnh, nên công ty đang lập các kế hoạch kêu gọi đầu t- , góp vốn từ nhiều nguồn.

2.1.3.3. Thành tích đạt đ- ọc trong những năm gần đây của công ty

Trong 7 năm từ khi đi vào hoạt động, công ty đã nhận đ- ọc 78 công trình xây dựng hạ tầng, kiên cố đê kè lớn nhỏ các loại, thực thi trên địa bàn Hải Phòng và các tỉnh thành lân cận nh- Hải D- ồng, Thái Bình, H- ồng Yên ...

Có thể kể ra nh- công trình lắp đặt hệ thống biển báo hiệu đ- ờng bộ Quận D- ồng Kinh năm 2009, công trình đắp đê và lấp đầm tả Thái Bình năm 2008, công trình xây dựng tr- ờng Mầm non Cát Bi, xây dựng tr- ờng THCS Tràng Cát năm 2005, công trình xây dựng Đ- ờng 188, Hải D- ồng năm 2006...

Về việc kinh doanh các cấu kiện bê tông đúc sẵn, công ty mới đi vào sản xuất từ năm 2008, nh- ng hiện nay sản phẩm của công ty đã có chỗ đứng trên thị tr- ờng. Tuy tỷ trọng trong doanh thu còn nhỏ nhưng đây là nguồn thu t- ổng đối ổn định và có xu h- ướng tăng thêm cho công ty.

Sau đây là trích dẫn một số kết quả hoạt động kinh doanh của công ty trong ba năm gần đây là từ năm 2008 đến năm 2010 :

Biểu số 2.1:

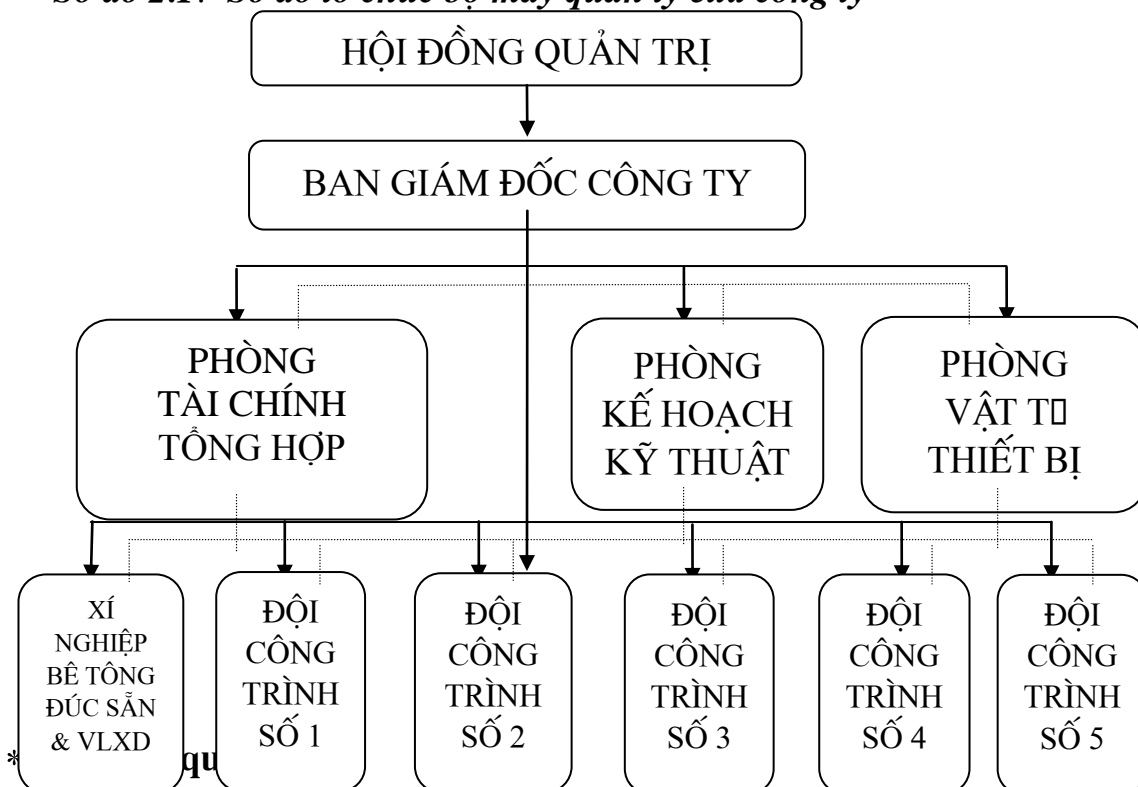
Chỉ tiêu	Năm 2008	Năm 2009	Năm 2010
Doanh thu thuần	10,585,578,946	21,065,428,822	26,631,929,902
Lợi nhuận sau thuế	843.677.462	1,537,806,527	1,355,248,855
Nộp ngân sách Nhà nước	547,788,535	1,268,506,782	1,698,053,710
Thu nhập bình quân đầu người/tháng	1,520,000	2,200,000	2,850,000

(Đơn vị tính: Đồng)

2.1.4.Đặc điểm cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của công ty cổ phần Bê tông và phát triển hạ tầng Hải Phòng

Công ty đã áp dụng hình thức tổ chức bộ máy quản lý theo hình thức trực tuyến chức năng. Bộ máy quản lý của công ty được xây dựng và thực hiện theo chế độ một thủ trưởng, các phòng ban chức năng và các tổ đội công trình có trách nhiệm và quyền hạn trong phạm vi chức năng của mình.

Sơ đồ 2.1: Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý của công ty



- Là cơ quan quản lý công ty

- Có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến hoạt động của công ty.

-Hoạch định các chiến lược, các quyết định phương án đầu tư, đề ra giải pháp phát triển cho công ty

-Đầu tư vốn, cơ sở vật chất

***Ban giám đốc:**

-Quản lý công ty, chịu trách nhiệm trước Pháp luật và Hội đồng quản trị về toàn bộ kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

-Trực tiếp điều hành hoạt động sản xuất, điều hành các công tác kỹ thuật, quản lý máy móc, công nghệ, chất lượng sản phẩm...

-Đề ra các phương án sản xuất kinh doanh trình hội đồng quản trị.

-Tổ chức và kiểm tra việc thực hiện các phương án được đề ra.

-Có nhiệm vụ hình thành bộ máy tổ chức miễn nhiệm nhân sự chủ chốt của công ty.

-Thay mặt công ty ký kết các hợp đồng kinh tế có liên quan đến hoạt động kinh doanh và xử lý mọi vấn đề tài chính của công ty.

***Phòng tài chính tổng hợp :**

-Tổ chức nhân sự, quản lý lao động, qui hoạch cán bộ, lưu trữ các công văn tài liệu.

-Thực hiện công tác quản lý hành chính, xây dựng và quản lý nội quy công ty.

-Quản lý tài chính, vốn, tài sản của toàn công ty.

-Quản lý công nợ, các quỹ, các hợp đồng kinh tế.

-Chịu trách nhiệm hạch toán kế toán cho toàn bộ công ty và lập báo cáo tài chính theo quy định.

***Phòng kế hoạch kỹ thuật :**

-Thực hiện quản lý công tác kế hoạch, tiếp thị, quan hệ khách hàng.

-Quản lý công tác dự thầu công trình, công tác đầu tư.

-Quản lý định mức sản xuất trong toàn công ty, tiến độ thực hiện công trình, kỹ thuật chất lượng công trình,

-Thực hiện công tác hoàn công quyết toán và thanh toán vốn các công trình.

-Cung cấp các số liệu về kế hoạch thi công, về định mức, tiến độ công trình, thông số kỹ thuật ... cho phòng tài chính tổng hợp, phòng vật tư thiết bị và các đội công trình.

***Phòng vật tư thiết bị :**

- Quản lý giá vật t- và ph- ơng pháp cấp vật t- cho từng công trình.
- Trực tiếp khai thác, sử dụng thiết bị và đề xuất đầu t- thiết bị.
- Xây dựng định mức nhiên liệu, định mức khoán lao động
- Lập kế hoạch nhu cầu sử dụng thiết bị trong ngắn hạn, dài hạn
- Phối kết hợp với phòng Tài chính tổng hợp và các đội công trình để tập hợp hồ sơ, chứng từ.

***Xí nghiệp bê tông đúc sẵn và vật liệu xây dựng :**

- Thực hiện việc sản xuất các khối bê tông đúc sẵn để cung cấp cho thị tr- ờng.
- Công tác hạch toán kế toán do phòng Tài chính tổng hợp của công ty đảm nhiệm.

***Các đội công trình :**

- Trực tiếp nhận nhiệm vụ tổ chức thi công, hạch toán và hoàn thiện công trình cũng nh- các thủ tục pháp lý.
- Chịu trách nhiệm nghiệm thu các hạng mục và công trình theo quy định, chịu trách nhiệm về chất lượng và tiến độ các công trình.
- Phối kết hợp với phòng Vật tư- thiết bị để điều động vật tư thi công.
- Phối kết hợp với phòng Kế hoạch- kỹ thuật để lập hồ sơ nghiệm thu, thanh toán, quyết toán công trình.
- Phối kết hợp với phòng Tài chính tổng hợp lập hồ sơ, chứng từ của các công trình.

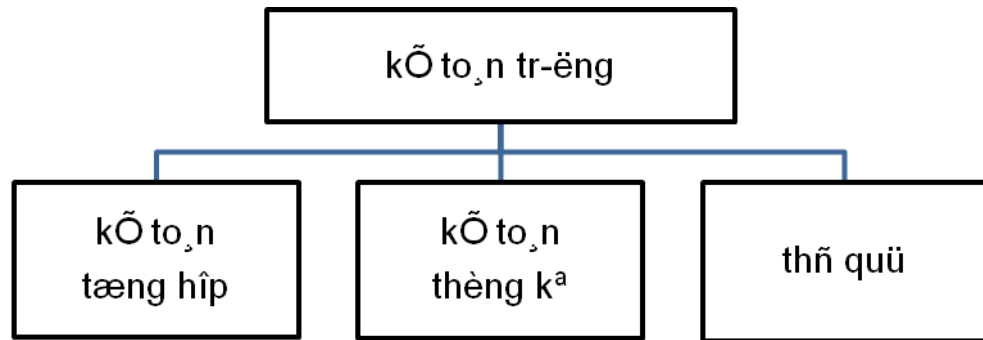
2.1.5. Đặc điểm tổ chức kế toán tại công ty cổ phần Bê tông và phát triển hạ tầng Hải Phòng

2.1.5.1. Tổ chức bộ máy kế toán.

Phòng tài chính tổng hợp của công ty giữ một vai trò quan trọng trong việc điều hành và quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh, là công cụ hữu hiệu trong việc kiểm tra giám sát các hoạt động kinh tế tài chính của công ty

Bộ máy kế toán tại công ty bao gồm: kế toán tr- ởng, kế toán tổng hợp, kế toán thống kê và thủ quỹ.

Sơ đồ 2.2: Sơ đồ cơ cấu tổ chức bộ máy kế toán tại công ty



***Kế toán tr-ởng :**

- Trực tiếp làm tr-ởng phòng Tài chính tổng hợp, điều hành bộ máy kế toán của công ty.

-Lập các kế hoạch và thực hiện các ph- ơng án vay vốn, đảm bảo nhu cầu vốn

-Tham m- u cho Giám đốc các ph- ơng án, kế hoạch tài chính t- ơng lai

-Kiểm tra các báo cáo tài chính và các chứng từ kế toán theo quy chế của Bộ tài chính

-Là ng- ời chịu trách nhiệm tr- ớc Hội đồng quản trị, Giám đốc, các cổ đông và Pháp luật về toàn bộ các hoạt động kế toán tài chính của công ty.

***Kế toán tổng hợp:**

-Hàng ngày thu thập chứng từ hoá đơn để ghi chép các nghiệp vụ kế toán phát sinh, đảm bảo tính chính xác, đầy đủ, kịp thời.

-Lập các lệnh xuất kho, biên bản công nợ, bảng kê khai quyết toán thuế, quản lý hoá đơn, viết hoá đơn bán hàng

-Theo dõi tiền vay, tiền gửi ngân hàng, nắm bắt đ- ợc tình hình l- u chuyển tiền trong tài khoản

***Kế toán thống kê:**

-Lập hợp đồng kinh tế, lập báo giá bán hàng.

-Theo dõi tình hình nhập xuất vật liệu xây dựng, mở sổ chi tiết cho từng loại vật tư vật liệu theo yêu cầu quản lý.

-Hàng tháng đối chiếu công nợ, đối chiếu số lượng thực vật tư, vật liệu tồn kho với thủ kho theo quy định.

-Cung cấp chính xác, kịp thời các thông tin liên quan giúp kế toán tr-ởng nắm bắt đ- ợc tình hình hoạt động , tình hình tài chính của công ty.

-Mở sổ công văn đi, công văn đến.

-Quản lý con dấu và đóng dấu các văn bản của công ty.

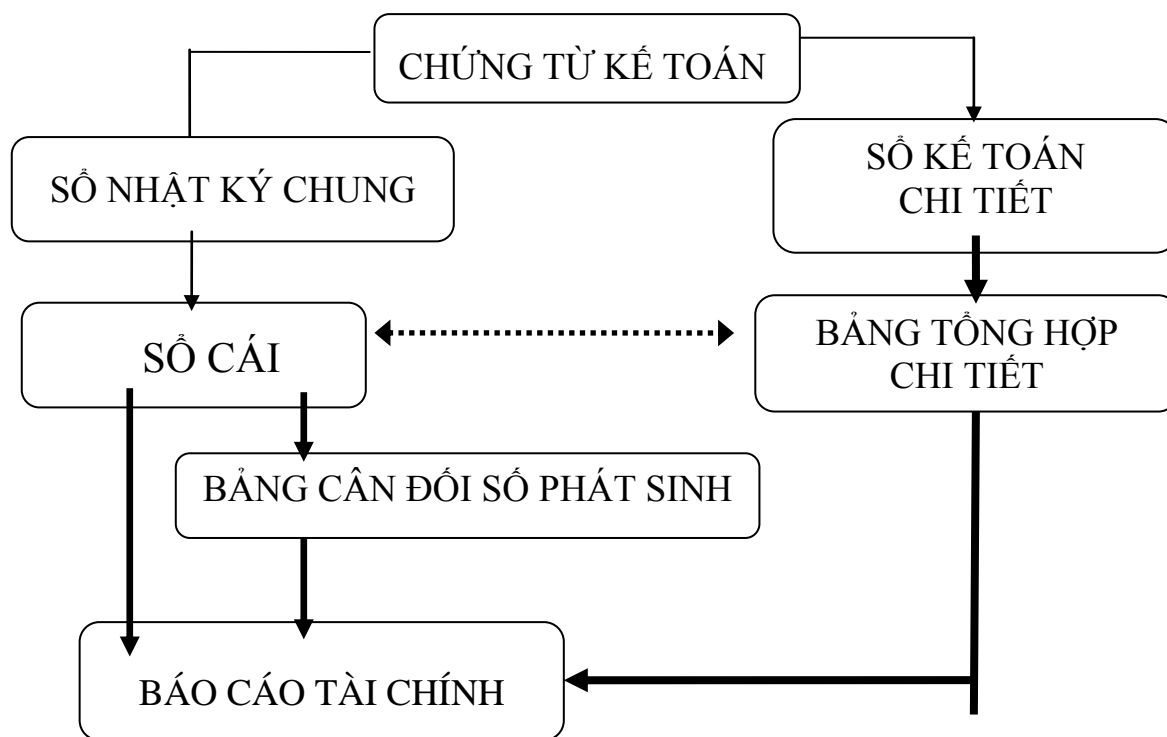
***Thủ quỹ:**

- Có nhiệm vụ cấp phát tiền, l- ơng, th- ưởng theo quy định
- Có trách nhiệm bảo quản tiền mặt
- Thực hiện các nghiệp vụ xuất, nhập tiền mặt tại quỹ
- Ghi chép sổ quỹ, cân đối quỹ, lập báo cáo về quỹ tiền mặt

2.1.5.2. Hình thức ghi sổ kế toán tại công ty

Về hình thức ghi sổ kế toán, công ty sử dụng hình thức Nhật ký chung, áp dụng mẫu sổ sách theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ban hành ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính.

Sơ đồ 2.3: Trình tự luân chuyển chứng từ của công ty



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- Ghi cuối tháng, định kỳ
- ←-----→ Đối chiếu kiểm tra

2.1.5.3. Chính sách kế toán đang áp dụng tại công ty

Công ty cổ phần Bê tông và phát triển hạ tầng Hải Phòng hiện nay đang áp dụng chế độ kế toán ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính.

Phương pháp kế toán hàng tồn kho, công ty áp dụng là phương pháp kê khai thường xuyên. Tính trị giá hàng xuất kho được tính theo phương pháp bình quân cuối kỳ. Hạch toán và nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.

Về tài sản cố định, công ty thực hiện việc trích khấu hao theo quyết định số 206/2003/QĐ-BTC ngày 12/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính. Phương pháp tính khấu hao được thực hiện là phương pháp đường thẳng.

Niên độ kế toán của công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01, kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm. Đơn vị tiền tệ sử dụng là đồng Việt Nam.

2.2. Thực tế lập bảng cân đối kế toán tại công ty cổ phần Bê tông và phát triển hạ tầng Hải Phòng.

2.2.1 Căn cứ lập bảng cân đối kế toán tại công ty

Nguồn số liệu để lập bảng cân đối kế toán bao gồm :

- Bảng cân đối kế toán ngày 31/12/2009
- Số d- các TK loại 1, 2, 3, 4 và TK loại 0 trên các sổ cái tài khoản và bảng tổng hợp chi tiết các tài khoản cuối năm 2010.
- Bảng cân đối số phát sinh năm 2010.

2.2.2 Quy trình lập bảng cân đối kế toán tại công ty cổ phần Bê tông và phát triển hạ tầng Hải Phòng

Hiện nay, công ty cổ phần Bê tông và phát triển hạ tầng Hải Phòng thực hiện việc lập bảng cân đối kế toán theo những bước sau:

Sơ đồ 2.4: Quy trình lập bảng cân đối kế toán của công ty

1	2	3	4	5	6	7
•Kiểm tra đối chiếu các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong kỳ	• Đối chiếu số liệu từ các sổ kế toán	• Tổng hợp số liệu và tính số dư các tài khoản.	•Thực hiện các bút toán kết chuyển và khóa sổ kế toán	• Lập bảng cân đối số phát sinh	• Lập bảng cân đối kế toán	• Kiểm tra, ký duyệt

Bước 1: Kiểm tra đối chiếu các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong kỳ

Định kỳ hàng tháng, kế toán kiểm tra tính có thật của các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, xem việc ghi chép, cập nhật có đầy đủ chứng từ và đúng thứ tự hay không, nếu có sai sót thì phải kịp thời xử lý.

Kế toán tiến hành kiểm tra qua các bước như sau:

-Sắp xếp chứng từ theo trình tự thời gian, theo nội dung kinh tế của từng nghiệp vụ và sắp xếp chứng từ theo số hiệu tăng dần.

-Kiểm tra đối chiếu chứng từ của nghiệp vụ kinh tế phát sinh với nội dung được phản ánh trên sổ Nhật Ký Chung về cả nội dung kinh tế; ngày tháng; số tiền cũng như quan hệ đối ứng tài khoản của nghiệp vụ.

-Nếu phát hiện sai sót, lập tức tiến hành điều chỉnh xử lý kịp thời.

Ví dụ:

Kiểm tra tính có thật của nghiệp vụ ngày 01/12/2010, mua xi măng PC40 của công ty cổ phần Phú Thành, khối lượng 50 tấn, thuế suất thuế GTGT 10%, tổng cộng tiền thanh toán 49,500,000 đồng, chưa thanh toán.

-Hoá đơn GTGT số 0030091. (biểu số 2.2)

-Phiếu nhập kho số 183 (biểu số 2.3)

-Sổ nhật ký chung (biểu số 2.4)

-Sổ cái TK 152 (biểu số 2.5)

-Sổ cái TK 133 (biểu số 2.6)

-Sổ cái TK 331 (biểu số 2.9)

Hoàn thiện công tác lập và phân tích bảng cân đối kế toán tại công ty cổ phần Bê tông và phát triển hạ tầng Hải Phòng

(Nguồn: Phòng tài chính tổng hợp - Công ty cổ phần Bê tông và phát triển hạ tầng Hải Phòng)

Biểu số 2.4:

Công ty CP Bê tông và Phát triển Hạ tầng Hải Phòng
Địa chỉ : Lô G62A-B khu biệt thự Mè Linh- DK- HP

Mẫu số : S05a - DNN
(Ban hành theo QĐ số : 48/2006/QĐ
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Từ ngày 01/01/2010 đến 31/12/2010

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Trang : 54

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi sổ cái	TT dòng	TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	NT					Nợ	Có
Tháng 12								
01/12	PN 183	01/12	Mua nhập kho xi măng PC40 của cty CP Phú Thành, cha thanh toán	x	1	152	45,000,000	
					2	133	4,500,000	
					3	331 (42)		49,500,000
01/12	PKT 238	01/12	Thanh lý máy photo IR 1600, thu tiền mặt	x	4	214	22,735,455	
					5	211		22,735,455
01/12	PT 160	01/12	Thanh lý máy photo IR 1600, thu tiền mặt	x	6	111	1,850,000	
					7	333 (1)		168,182
					8	711		1,681,818
01/12	PT 161	01/12	Rút tiền gửi ngân hàng TMCP Quân đội về nhập quỹ tiền mặt	x	9	111	35,000,000	
					10	112 (3)		35,000,000
02/12	PC 172	02/12	Tạm ứng trả tiền nhân công Ct đào Kênh Ngũ Đoan II- Kiến Thụy	x	11	141 3075	45,000,000	
					12	111		45,000,000
...
			Tổng Cộng :				247,866,249,779	247,866,249,779

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ (Ký, họ tên) Kế toán trưởng (Ký, họ tên) Giám đốc (Ký, họ tên, đóng dấu)
(Nguồn: Phòng tài chính tổng hợp - Công ty cổ phần Bê tông và phát triển hạ tầng Hải Phòng)

Biểu số 2.5:

Công ty CP Bê tông và phát triển hạ tầng Hải Phòng
Anh Dũng, Dương Kinh, Hải Phòng

Mẫu số S01- DNN

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ- BTC
 ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm 2010

Tên tài khoản : Nguyên vật liệu

Số hiệu tài khoản: 152

Đơn vị tính: đồng

NT ghi số	Chứng từ		DIỄN GIẢI	Nhật ký chung		TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	NT		Trang	Dòng		Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ:				411,140,500	-
			Số phát sinh:					
...
01/12	PN 183	01/12	Mua nhập kho xi măng PC40 của cty CP Phú Thành, chưa thanh toán	54	3	331 (42)	45,000,000	
03/12	PX 152	03/12	Xuất xi măng PC 40 phục vụ sản xuất	54	20	154		27,000,000
04/12	PN 185	04/12	Mua thép F6 phục vụ sản xuất của cty TNHH Hồ Toàn, chưa thanh toán	55	8	331 (53)	525,000,000	
04/12	PX 154	04/12	Xuất thép F6 phục vụ sản xuất	55	11	154		24,000,000
...
			Cộng phát sinh:				12,205,889,589	12,059,899,634
			Số dư cuối kỳ:				557,130,455	-

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ
 (Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
 (Ký, họ tên)

Giám đốc
 (Ký, họ tên, đóng dấu)

)
 (Nguồn: Phòng tài chính tổng hợp - Công ty cổ phần Bê tông và phát triển hạ tầng Hải Phòng)

Biểu số 2.6:

Công ty CP Bê tông và phát triển hạ tầng Hải Phòng
 Anh Dũng, Dương Kinh, Hải Phòng

Mẫu số S01- DNN

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ- BTC
 ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm 2010

Tên tài khoản : Thuế GTGT được khấu trừ

Số hiệu tài khoản: 133

Đơn vị tính: đồng

NT ghi số	Chứng từ		DIỄN GIẢI	Nhật ký chung		TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	NT		Trang	Dòng		Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ:					-
			Số phát sinh:					
...
01/12	PN 183	01/12	Mua nhập kho xi măng PC40 của cty CP Phú Thành, chưa thanh toán	54	2	331 (42)	4.500,000	
02/12	PC 173	02/12	Mua máy photocopy của cty CP TM C-òng Anh, trả bằng tiền mặt	54	14	111	2,436,191	
04/12	PN 185	04/12	Mua thép F6 phục vụ sản xuất của cty TNHH Hồ Toàn, chưa thanh toán	55	9	331 (53)	52,500,000	
...
			Cộng phát sinh:				1,567,469,775	1,567,469,775
			Số dư cuối kỳ:					-

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn: Phòng tài chính tổng hợp - Công ty cổ phần Bê tông và phát triển hạ tầng Hải Phòng)

Bước 2: Đối chiếu số liệu từ các sổ kế toán

Sau khi kiểm tra tính có thật của các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong tháng 12 năm 2010, kế toán thực hiện việc đối chiếu số liệu giữa sổ cái các tài khoản với các bảng tổng hợp chi tiết. Nếu phát hiện sai thì sửa chữa kịp thời.

Biểu số 2.8:

Công ty CP Bê tông và Phát triển Hạ tầng Hải Phòng

Địa chỉ : Lô G62A-B khu biệt thự Mê Linh- DK- HP

BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT PHẢI THU KHÁCH HÀNG

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

STT	Tên khách hàng	Số dư đầu kỳ		Số phát sinh		Số dư cuối kỳ	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
...
22	CP Thành Nam	132,099,439		855,134,650	1,104,625,646		117,391,557
23	TNHH Thịnh Toàn	366,428,355		3,608,964,080	3,581,780,968	393,611,467	
24	CP Việt Úc	88,232,497		790,486,225	802,568,900	76,149,822	
25	TNHH XD và TM Trọng Tín		240,688,220	1,100,980,500	1,213,452,690		112,472,190

	Tổng cộng	6,088,900,083	3,443,154,001	30,470,823,451	31,479,057,011	10,269,151,460	8,631,638,938

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn: Phòng tài chính tổng hợp - Công ty cổ phần Bê tông và phát triển hạ tầng Hải Phòng)

Biểu số 2.9:

Công ty CP Bê tông và phát triển hạ tầng Hải Phòng

Anh Dũng, Dương Kinh, Hải Phòng

Mẫu số S01- DNN

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ- BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm 2010

Tên tài khoản : Phải trả người bán

Số hiệu tài khoản: 331

Đơn vị tính: đồng

NT ghi số	Chứng từ		DiỄN GIẢI	NKC		TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	NT		Trang	Dòng		Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ:					20,473,355,556
			Số phát sinh:					
...
01/12	PN1 83	01/12	Mua nhập kho xi măng PC40 của cty CP Phú Thành, chưa thanh toán	54	1	152		45,000,000
					2	133		4,500,000
04/12	PN 185	04/12	Mua thép F6 phục vụ sản xuất của cty TNHH Hồ Toàn, chưa thanh toán	54	8	152		525,000,000
					9	133		52,500,000
09/12	NH 178	10/08	CK trả tiền mua dầu Diezel cho cty Minh Ngọc	56	4	1123	500,000,000	
...
			Cộng phát sinh:				22,987,314,866	30,732,982,210
			Số dư cuối kỳ:					28,219,022,900

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn: Phòng tài chính tổng hợp - Công ty cổ phần Bê tông và phát triển hạ tầng Hải Phòng)

Biểu số 2.10:

Công ty CP Bê tông và Phát triển Hạ tầng Hải Phòng

Địa chỉ : Lô G62A-B khu biệt thự Mê Linh- DK- HP

BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

Đơn vị tính: đồng Việt Nam

TT	Tên khách hàng	Số dư đầu kỳ		Số phát sinh		Số dư cuối kỳ	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
...
42	CP Phú Thành		72,907,893	488,575,418	614,325,683		198,658,158
43	TNHH Hoàng Trường		215,954,400	1,072,618,900	996,820,120		140,155,620
44	TNHH TM Song Thìn		227,744,732	960,667,850	1,029,106,250		296,183,132
45	CP XD TM Văn Tiến	32,688,763		300,402,216	320,986,985	12,103,994	
...
Tổng cộng		456,210,485	20,929,566,041	22,987,314,866	30,732,982,210	3,468,525,916	31,687,548,816

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn: Phòng tài chính tổng hợp - Công ty cổ phần Bê tông và phát triển hạ tầng Hải Phòng)

Biểu số 2.11:

Công ty CP Bê tông và phát triển hạ tầng Hải Phòng
 Anh Dũng, Dương Kinh, Hải Phòng

Mẫu số S01- DNN

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ- BTC
 ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm 2010

Tên tài khoản : Tạm ứng

Số hiệu tài khoản: 141

Đơn vị tính: đồng

NT ghi sổ	Chứng từ		DiỄN GIẢI	NKC		TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	NT		Trang	Dòng		Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ:				18,899,809,478	
			Số phát sinh:					
...
02/12	PC 172	02/12	Tạm ứng trả tiền nhân công CT đào Kênh Ngũ Đoan II- Kiến Thụy	54	11	111	45,000,000	
10/12	PC 175	10/12	Tạm ứng mua thép CT Trạm bơm Hòa Liễu	56	7	111	120,000,000	
10/12	PC 176	10/12	Tạm ứng trả tiền nhân công CT Trạm bơm Hòa Liễu	56	9	111	50,000,000	
13/12	PC 180	13/12	Tạm ứng trả tiền nhân công CT Cống Kênh Vàng - Hải Dương	56	24	111	50,000,000	
...
			Cộng phát sinh:				22,170,433,362	15,095,972,457
			Số dư cuối kỳ:					25,974,270,383

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn: Phòng tài chính tổng hợp - Công ty cổ phần Bê tông và phát triển hạ tầng
 Hải Phòng)

Biểu số 2.12:

Công ty CP Bê tông và Phát triển Hạ tầng Hải Phòng

Địa chỉ : Lô G62A-B khu biệt thự Mê Linh- DK- HP

BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Tên tài khoản: Tạm ứng

Số hiệu tài khoản: 141

SH	Tên đối tượng	Tên người nhận	Số dư đầu kỳ		Số phát sinh		Số dư cuối kỳ	
			Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
...	
TK 1413 - Tạm ứng xây lắp giao khoán			18,336,942,718		22,158,333,022	14,921,839,374	25,573,436,366	
068	CT - XD trường THCS Tràng Cát	Đặng Văn Chung	10,465,394,471		23,009,183	8,390,722,923	2,097,680,731	
069	CT - Kênh Cống Dầu	Ngô Văn Lượng	4,978,362,597		2,738,240,982	1,886,013,900	5,830,589,679	
070	CT - Đường vào trường THPT Đồng Hòa	Nguyễn Đức Toàn	1,204,585,365		250,380,600	1,164,263,765	290,993,193	
071	CT - Đê tả Văn Úc - Kiến Thụy	Tạ Xuân Tám	1,688,600,285		5,273,659,273	3,481,129,779	3,481,129,779	
072	CT - Cống Kênh Vàng - Hải Dương	Ngô Văn Lượng			1,298,784,363		1,298,784,363	
073	CT - Trạm bơm Hòa Liễu	Phạm Hồng Quyết			10,346,487,770		10,346,487,770	
074	CT - Đê tả sông Hóa - Vĩnh Bảo	Tạ Xuân Tám			1,034,755,629		1,034,755,629	
075	CT - Kênh Ngũ Đoan II- Kiến Thụy	Đặng Văn Chung			840,322,166		840,322,166	
076	CT - Đắp đê và lấp Đầm Tả - Thái Bình	Nguyễn Đức Toàn			352,693,056		352,693,056	
...	
Tổng cộng			18,899,809,478		22,170,433,362	15,095,972,457	25,974,270,383	

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Hoàn thiện công tác lập và phân tích bảng cân đối kế toán tại công ty cổ phần Bê tông và phát triển hạ tầng Hải Phòng

(Nguồn: Phòng tài chính tổng hợp - Công ty cổ phần Bê tông và phát triển hạ tầng Hải Phòng)

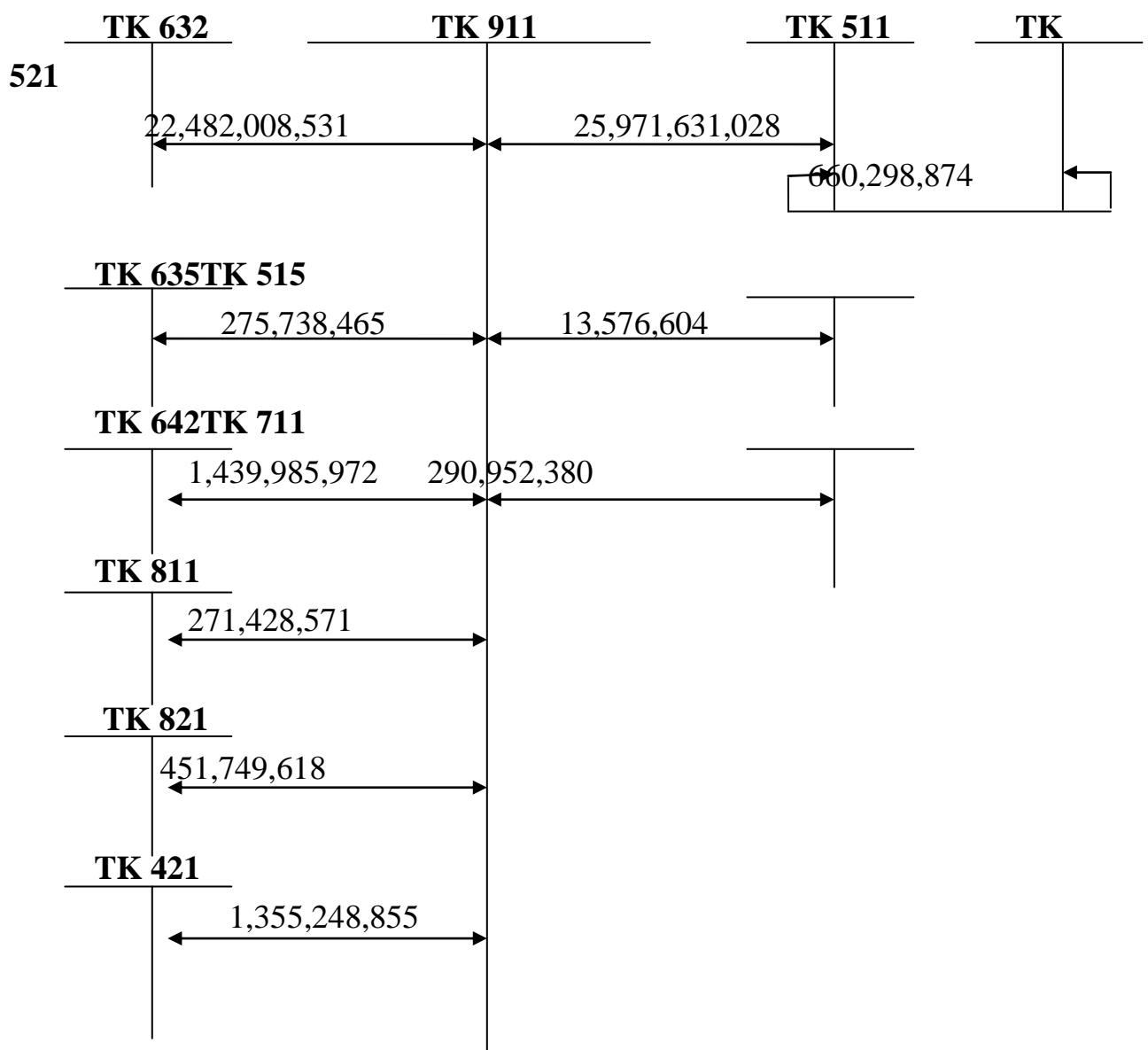
Bước 3: Tổng hợp số liệu và tính số dư các tài khoản

Sau khi đối chiếu số liệu giữa sổ cái các tài khoản với các bảng tổng hợp chi tiết thấy khớp đúng rồi, kế toán tiếp tục tiến hành tổng hợp số liệu và tính số dư các tài khoản.

Bước 4: Thực hiện các bút toán kết chuyển và khóa sổ kế toán

Tiếp theo, công ty tiến hành thực hiện các bút toán kết chuyển và xác định kết quả kinh doanh.

Sơ đồ 2.5: Sơ đồ tổng hợp các bút toán kết chuyển tại công ty



Sau khi thực hiện các bút toán kết chuyển như trên, kế toán thực hiện khóa sổ kế toán.

Bước 5: Lập Bảng cân đối số phát sinh

Sau khi khóa sổ chính thức phản ánh toàn bộ hệ thống tài khoản được sử dụng tại công ty, trong đó có số dư đầu kỳ, số phát sinh trong kỳ và số dư cuối kỳ. Kế toán lập bảng cân đối số phát sinh như sau:

- Cột “Số hiệu tài khoản” ghi số hiệu các TK sử dụng trong trong doanh nghiệp từ TK loại 1 đến 9.
- Cột “Tên tài khoản” diễn giải tên tài khoản tương ứng từng số liệu.
- Cột “Số dư đầu năm”, lấy số liệu dòng “Số dư đầu kỳ” trên sổ cái các TK.
 - +TK có số dư bên Nợ thì ghi vào cột “Nợ”
 - +TK có số dư bên Có thì ghi vào cột “Có”
 - +Các TK lưỡng tính như 131, 133 , 331, 333 ... sẽ lấy số liệu trên sổ chi tiết cột “Số dư đầu kỳ” để ghi cả hai bên nợ Có.
- Cột “Số phát sinh trong năm” lấy số liệu dòng “Số phát sinh” trên sổ cái TK.
 - +TK có phát sinh bên Nợ thì ghi vào cột “Nợ”
 - +TK có phát sinh bên Có thì ghi vào cột “Có”
- Cột “Số dư cuối năm”, lấy số liệu dòng “Số dư cuối kỳ” trên sổ cái các TK.
 - +TK có số dư bên Nợ thì ghi vào cột “Nợ”
 - +TK có số dư bên Có thì ghi vào cột “Có”
 - +Các TK lưỡng tính như 131, 133 , 331, 333 ... sẽ lấy số liệu trên sổ chi tiết cột “Số dư cuối kỳ” để ghi cả hai bên nợ Có.

Ví dụ:

Ghi cho TK 111 – Tiền mặt và TK 112 – Tiền gửi ngân hàng trên bảng cân đối số phát sinh, kế toán lấy số liệu trên sổ cái TK 111 và sổ cái TK 112.

Biểu số 2.132:

Công ty CP Bê tông và phát triển hạ tầng Hải Phòng

Anh Dũng, Dương Kinh, Hải Phòng

Mẫu số S01- DNN

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ- BTC

ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm 2010

Tên tài khoản : Tiền mặt

Số hiệu tài khoản: 111

Đơn vị tính: đồng

NT ghi sổ	Chứng từ		DIỄN GIẢI	Nhật ký chung		TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	NT		Trang	Dòng		Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ:				1,044,798,684	-
			Số phát sinh:					
...
01/12	PT 160	01/12	Thanh lý máy photo IR 1600, thu tiền mặt	54	7	3331	168,182	
					8	711	1,681,818	
01/12	PT 161	01/12	Rút tiền gửi ngân hàng TMCP Quân đội về nhập quỹ tiền mặt	54	10	1123	35,000,000	
02/12	PC 172	02/12	Tạm ứng trả tiền nhân công Ct đào Kênh Ngũ Đoan II-Kiến Thụy	54	11	1413 075		45,000,000
02/12	PC 173	02/12	Mua máy photocopy của cty CP TM Cường Anh, trả bằng TM	54	13	211		24,361,905
					14	133		2,436,191
...
			Cộng phát sinh:				20,970,619,640	20,551,027,365
			Số dư cuối kỳ:				1,464,390,959	-

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn: Phòng tài chính tổng hợp - Công ty cổ phần Bê tông và phát triển hạ tầng Hải Phòng)

Biểu số 2.14:

Công ty CP Bê tông và phát triển hạ tầng Hải Phòng

Anh Dũng, Dương Kinh, Hải Phòng

Mẫu số S01- DNN

(Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ- BTC

ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm 2010

Tên tài khoản : Tiền gửi ngân hàng

Số hiệu tài khoản: 112

Đơn vị tính: đồng

NT ghi số	Chứng từ		DiỄN GIẢI	Ngày ký		TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	NT		Trang	Dòng		Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ:				6,414,889	-
			Số phát sinh:					
...
01/12	PT 161	01/12	Rút tiền gửi ngân hàng TMCP Quân đội về nhập quỹ tiền mặt	54	9	111		35,000,000
06/12	NH 177	06/12	Công ty TNHH Tân Hoàng Việt CK thanh toán tiền mua ống cống D800-H30-LT	55	14	131 (02)	104,755,000	
09/12	NH 178	10/08	CK trả tiền mua dầu Diezel cho cty Minh Ngọc	56	4	331(68)		500,000,000
10/12	NH 179	10/08	NH Quân đội thu phí CK trả tiền dầu Diezel cho cty Minh Ngọc	56	6	635		11,000
...
			Cộng phát sinh:				34,397,209,151	34,372,722,236
			Số dư cuối kỳ:				30,901,804	

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn: Phòng tài chính tổng hợp - Công ty cổ phần Bê tông và phát triển hạ tầng Hải Phòng)

Biểu số 2.15:

Công ty cổ phần Bê tông và phát triển hạ tầng Hải Phòng

Lô G62 A-B Khu biệt thự Mê Linh, Anh Dũng, D- ơng Kinh, Hải Phòng

Mẫu số F01-DNN

(Ban hành theo QĐ 48/2006/QĐ-BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính)

BẢNG CÂN ĐỐI SỐ PHÁT SINH

Năm 2010

Đơn vị tiền: Đồng việt nam

Số hiệu TK	Tên tài khoản	Số dư đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số dư cuối năm	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
111	Tiền mặt	1,044,798,684		20,970,619,640	20,551,027,365	1,464,390,959	
112	Tiền gửi ngân hàng	6,414,889		34,397,209,151	34,372,722,236	30,901,804	
121	Đầu tư tài chính ngắn hạn			5,000,000		5,000,000	
131	Phải thu khách hàng	6,088,900,083	3,443,154,001	30,470,823,451	31,479,057,011	10,269,151,460	8,631,638,938
133	Thuế GTGT được khấu trừ			1,567,469,775	1,567,469,775		
138	Phải thu khác	284,302,525	126,190	1,484,496,000	1,467,286,335	301,386,000	
141	Tạm ứng	18,899,809,478		22,170,433,362	15,095,972,457	25,974,270,383	18,899,809,478
142	Chi phí trả trước ngắn hạn						
152	Nguyên liệu, vật liệu	411,140,500		12,205,889,589	12,059,899,634	557,130,455	
153	Công cụ, dụng cụ	24,403,636		18,759,294	19,200,658	23,962,272	

Hoàn thiện công tác lập và phân tích bảng cân đối kế toán tại công ty cổ phần Bê tông và phát triển hạ tầng Hải Phòng

154	Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	3,827,381,702		28,761,506,017	25,119,884,773	7,469,002,946	
155	Thành phẩm	751,919,200		2,818,737,825	3,425,303,556	145,353,469	
159	Các khoản dự phòng						
211	Tài sản cố định	4,082,282,116		2,203,996,485	521,888,026	5,764,390,575	
214	Hao mòn TSCĐ		807,864,117	250,459,455	400,149,656		957,554,318
221	Đầu tư tài chính dài hạn	5,000,000			5,000,000		
229	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn						
241	Xây dựng cơ bản dở dang			345,224,024		345,224,024	
242	Chi phí trả trước dài hạn	262,571,069		76,922,909	171,701,633	167,792,345	
311	Vay ngắn hạn		2,000,000,000	5,612,916,389	7,094,577,500		3,481,661,111
331	Phải trả cho người bán	456,210,485	20,929,566,041	22,987,314,866	30,732,982,210	3,468,525,916	31,687,548,816
333	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	21,725,501	1,268,506,782	2,349,767,005	2,801,039,434		1,698,053,710
334	Phải trả người lao động		188,457,632	1,027,794,750	1,005,009,183		165,672,065
335	Chi phí phải trả		9,740,706	188,163,784	191,652,858		13,229,780
338	Phải trả, phải nộp khác		263,644,031	831,975,208	583,405,824		15,074,647
341	Vay dài hạn		390,000,000	343,000,000	1,068,000,000		1,115,000,000
342	Nợ dài hạn						
411	Nguồn vốn kinh doanh		5,250,000,000				5,250,000,000

Hoàn thiện công tác lập và phân tích bảng cân đối kế toán tại công ty cổ phần Bê tông và phát triển hạ tầng Hải Phòng

418	Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu		23,457,620		16,884,916		40,342,536
431	Quỹ khen thưởng phúc lợi		8,442,458		17,171,268		8,728,810
421	Lợi nhuận chưa phân phối		1,583,613,938	6,904,853,028	8,234,774,509		2,913,535,419
511	Lợi nhuận chưa phân phối			26,631,929,902	26,631,929,902		
515	Doanh thu hoạt động tài chính			13,576,604	13,576,604		
521	Các khoản giảm trừ doanh thu			660,298,874	660,298,874		
632	Giá vốn hàng bán			22,482,008,531	22,482,008,531		
635	Chi phí tài chính			275,738,465	275,738,465		
642	Chi phí quản lý kinh doanh			1,439,985,972	1,439,985,972		
711	Thu nhập khác			290,952,380	290,952,380		
811	Chi phí khác			271,428,571	271,428,571		
821	Chi phí thuế thu nhập			451,749,618	451,749,618		

Hoàn thiện công tác lập và phân tích bảng cân đối kế toán tại công ty cổ phần Bê tông và phát triển hạ tầng Hải Phòng

	doanh nghiệp						
911	Xác định kết quả kinh doanh			1,355,248,855	1,355,248,855		
	Tổng cộng	36,166,859,868	36,166,859,868	256,866,249,779	256,866,249,779	55,986,482,608	55,986,482,608

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn: Phòng tài chính tổng hợp - Công ty cổ phần Bê tông và phát triển hạ tầng Hải Phòng)

Bước 5: Lập Bảng cân đối kế toán

- Cột “Chỉ tiêu” : để phản ánh các chỉ tiêu trên bảng cân đối kế toán
- Cột “Mã số”: để cộng khi BCTC tổng hợp hoặc BCTC hợp nhất.
- Cột “Thuyết minh”: là số hiệu các chỉ tiêu trong Bản thuyết minh BCTC” năm thể hiện số liệu chi tiết của các chỉ tiêu này trong BCDKT.
- Cột “Số đầu năm”: căn cứ số liệu ở cột "Số cuối năm" của bảng cân đối kế toán ngày 31/12/2009 để ghi.
- Cột “Số cuối năm”: ghi như sau

A- TÀI SAÜN NGAÉN HAÏN - Mã số 100

I. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN- Mã số 110

Mã số 110 = dư Nợ TK 111 + dư Nợ TK 112 + dư Nợ TK 113 (trên số caùi)

$$= 1,464,390,959 + 30,901,804 + 0 = 1,495,292,763 \text{ đồng}$$

II. CAÙC KHOAÛN ÑAÀU TÖ TAØI CHÍNH NGAÉN HAÏN - Mã số 120

1. Ñààu tö tài chính ngaén haïn - Mã số 121

$$\text{Mã số 121} = \text{dư Nợ TK 121 (trên số caùi)} = 5,000,000 \text{ đồng}$$

2. Döi phoøng giaùm giàu ñààu tö tài chính ngaén haïn - Mã số 129

$$\text{Mã số 129} = \text{dö Coù cuõa TK 129 (trên số caùi)} = 0 \text{ đồng}$$

Vậy, Mã số 120 = Mã số 121 + Mã số 129 = 5,000,000 đồng

III. CAÙC KHOAÛN PHAÛI THU NGẮN HẠN - Mã số 130

1. Phaùi thu cuõa khaùch haøng - Mã số 131

$$\begin{aligned} \text{Mã số 131} &= \text{dö Nöi TK 131 (phần phải thu ngắn hạn, trên sổ chi tiết)} \\ &= 10,269,151,460 \text{ đồng} \end{aligned}$$

2. Traù tröôùc cho ngöôøi baùn - Mã số 132

$$\begin{aligned} \text{Mã số 131} &= \text{dö Nöi TK 331 (phần phải trả ngắn hạn, trên sổ chi tiết)} \\ &= 3,468,525,916 \text{ đồng} \end{aligned}$$

3. Caùc khoaùn phaùi thu khaùc - Mã số 138

$$\text{Mã số 138} = \text{dö Nöi TK 138 (phân loại ngắn hạn trên sổ chi tiết)} = 301,386,000 \text{ đồng}$$

4. Döi phoøng caùc khoaùn phaùi thu khoù ñöøi - Mã số 139

$$\text{Mã số 139} = \text{dö Coù cuõa TK 139 (trên số caùi)} = 0 \text{ đồng}$$

$$\begin{aligned} \text{Vậy, Mã số 130} &= \text{Mã số 131} + \text{Mã số 132} + \text{Mã số 138} + \text{Mã số 139} \\ &= 10,269,151,460 + 3,468,525,916 + 301,386,000 = 14,039,063,376 \text{ đồng} \end{aligned}$$

V. HAØNG TOÀN KHO - Mã số 140

1. Hàng tồn kho – Mã số 141

Mã số 141 = dở Nợ TK 152 + dở Nợ TK 153 + dở Nợ TK 154 + dở Nợ TK 155 +
dở Nợ TK 156 + dở Nợ TK 157 (trên sổ cái)

$$\begin{aligned} &= 557,130,455 + 23,962,272 + 7,469,002,946 + 145,353,469 + 0 + 0 \\ &= 8,195,449,142 \text{ đồng} \end{aligned}$$

2. Dỡ phoong giaùm giaù hạoùng toàn kho - Mã số 149

Mã số 159 = dở Coù cuôa TK 159 = 0 đồng

Vây, Mã số 140 = Mã số 141 + Mã số 149 = 8,195,449,142 đồng

V. TAØI SAÛN NGẮN HẠN KHAÙC - Mã số 150

1. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ - Mã số 151

Mã số 151 = dở Nội TK 133 (trên sổ chi tiết) = 0 đồng

2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước - Mã số 152

Mã số 152 = dở Nội TK 333 (trên sổ chi tiết) = 0 đồng.

3. Tài sản ngắn hạn khác - Mã số 158

Mã số 158 = dở Nội TK 141 + dư nợ TK 142 + dư nợ TK 1381 (trên sổ cái)

$$= 25,974,270,383 + 0 + 0 = 25,974,270,383 \text{ đồng}$$

Vây, Mã số 150 = Mã số 151 + Mã số 152 + Mã số 158 = 25,974,270,383 đồng

**Mã số 100 = Mã số 110 + Mã số 120 + Mã số 130 + Mã số 140 +
Mã số 150**

$$\begin{aligned} &= 1,495,292,763 + 5,000,000 + 14,039,063,376 + 8,195,449,142 + 25,974,270,383 \\ &= 48,213,782,901 \text{ đồng} \end{aligned}$$

B. TAØI SAÛN DÀI HẠN - Mã số 200

I. TAØI SAÛN COÁ ÑÒNH - Mã số 210

1. Nguyeân giaù - Mã số 211

Mã số 211 = dở Nội TK 2111 + dở Nội TK 2112 + dở Nội TK 2113 (trên sổ chi tiết).

$$= 5,764,390,575 \text{ đồng}$$

2. Giaù trò hạo mọøn luỹ keá - Mã số 212

Mã số 212 = dở Có TK 2141 + dở Có TK 2142 + dở Có TK 2143 (trên sổ chi tiết)

$$= 957,554,318 \text{ đồng}$$

Soá lieäu chæ tieâu naøy ñöôic ghi baèng âm trong ngoaèc ñôn: (957,554,318).

5. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang – Mã số 213

Maõ soá 213 = dö Nợ TK 241 (treân soá caùi) = 345,224,024 ðồng

Vây, Maõ soá 210 = Maõ soá 211 - Maõ soá 212 + Maõ soá 213

= 5,764,390,575 - 957,554,318 + 345,224,024 = 5,152,060,281 ðồng

II. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ – Mã số 220 (220 = 221 + 222)

1. Nguyên giá - Mã số 221

Maõ soá 221 = dö Nội cuìa TK 217 (treân soá caùi) = 0 ðồng

2. Giá trị hao mòn lũy kế - Mã số 222

Maõ soá 222 = dö Nội cuìa TK 2144 (treân chi tieát) = 0 ðồng

Vây, Maõ soá 220 = Maõ soá 221 - Maõ soá 222 = 0 ðồng

III. CÀC KHOAÛN ÑÀU TỐ TẠO CHÍNH DAØI HAÏN - Mã số 230

1. Đầu tư tài chính dài hạn - Mã số 231

Maõ soá 231 = dö Nội TK 221 (treân soá caùi) = 0 ðồng

2. Dối phoàng giá trị ñàau tố daøi haïn - Mã số 239

Maõ soá 239 = dö Nội TK 229 (treân soá caùi) = 0 ðồng

Vây, Maõ soá 230 = Maõ soá 231 + Maõ soá 239 = 0 ðồng

IV. TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC - Mã số 240

1. Phải thu dài hạn - Mã số 241

Maõ soá 241 = dư Nội TK 131 + dö Nội TK 331 (phân loại theo dài hạn treân soá chi tieát)

= 0 ðồng

2. Tài sản dài hạn khác - Mã số 248

Maõ soá 248 = dư Nợ TK 242 + dö Nội TK 1388 + dö Nội TK 3388 (phân loại theo dài hạn treân soá chi tieát) = 167,792,345 + 0 + 0 = 167,792,345 ðồng

3. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi - Mã số 249

Maõ soá 249 = dö Coù tạoi khoaûn 139 = 0 ðồng

Vây, Mã số 240 = Mã số 241 + Mã số 248 + Mã số 249 = 167,792,345 ðồng

Maõ soá 200 = Maõ soá 210 + Maõ soá 220 + Maõ soá 230 + Maõ soá 240

= 5,152,060,281 + 0 + 0 + 167,792,345 = 5,319,852,626 ðồng

TỔNG CỘNG TÀI SẢN - Mã số 250

Maõ soá 250 = Maõ soá 100 + Maõ soá 200

$$= 48,213,782,901 + 5,319,852,626 = 53,533,635,527 \text{ đồng}$$

PHAÀN NGUỒN VOÁN

A - NÔI PHAÛI TRAÛ - Mã số 300

I. NÔI NGAÉN HAÏN - Mã số 310

1. Vay ngaén haïn - Mã số 311

Mã số 311 = dõ Coù TK 311 (trên soả caùi) = 3,481,661,111 đồng

2. Phaûi traû cho ngöôøi baùn - Mã số 312

Mã số 312 = dõ Coù TK 331 (phân loại là ngắn hạn trên soả chi tiết)

= 31,687,548,816 đồng

3. Ngöôøi mua traû tieàn tröôùc - Mã số 313

Mã số 313 = dõ Có TK 131 (phân loại là ngắn hạn trên soả chi tiết)

= 8,631,638,938 đồng

4. Thueá vaø caùc khoaùn phaûi noäp Nhaø nöôùc - Mã số 314

Mã số 314 = dõ Coù TK 333 (phần phải nộp ngắn hạn trên soả chi tiết)

= 1,698,053,710 đồng

5. Phaûi traû công nhân vieân - Mã số 315

Mã số 315 = dõ Coù TK 334 (phần phải trả ngắn hạn trên soả chi tiết)

= 165,672,065 đồng

6. Chi phí phải trả - Mã số 316

Mã số 316 = dõ Coù TK 335 (phân loại ngắn hạn trên soả chi tiết)

= 13,229,780 đồng

7. Các khoản phải trả ngắn hạn khác - Mã số 318

Mã số 318 = dõ Coù TK3388 + dõ Coù TK1388 (phân loại ngắn hạn trên soả chi tiết)

= 15,074,647 + 0 = 15,074,647 đồng

8. Dự phòng phải trả ngắn hạn - Mã số 319

Mã số 319 = dõ Coù TK 352 = 0 đồng

Vậy,

Mã số 310 = Mã số 311 + Mã số 312 + Mã số 313 + Mã số 314 + Mã số 315 + Mã số 316 + Mã số 318 + Mã số 139 = 3,481,661,111 + 31,687,548,816 + 8,631,638,938 + 1,698,053,710 + 165,672,065 + 13,229,780 + 15,074,647 + 0

= 45,692,879,067 đồng

II. NỢ DAØI HAÏN - Mã số 320

1.Vay và nợ dài hạn - Mã số 321

Mã số 321 = nợ Có TK 341 (trên sổ cái) = 1,115,000,000 đồng

2.Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm - Mã số 322

Mã số 322 = nợ Có TK 351 (trên sổ cái) = 0 đồng

3.Phải trả, phải nộp dài hạn khác - Mã số 328

Mã số 328 = nợ Có TK 344 + dư Có TK 3388 + dư có TK 3381 + dư có TK 1388 (phân loại dài hạn trên sổ chi tiết) = 0 đồng

4.Dự phòng phải trả dài hạn - Mã số 329

Mã số 329 = nợ Có TK 352 (phân loại dài hạn trên sổ chi tiết) = 0 đồng
Vậy, Mã số 320 = Mã số 321 + Mã số 322 + Mã số 328 + Mã số 329
= 1,115,000,000 + 0 + 0 + 0 = 1,115,000,000 đồng

Mã số 300 = Mã số 310 + Mã số 320 = 45,692,879,067 + 1,115,000,000
= 46,807,879,067 đồng

B. VOÁN CHUÛ SÔU HỒÛU - Mã số 400

I.Vốn chủ sở hữu - Mã số 410

1.Vốn đầu tư của chủ sở hữu - Mã số 411

Mã số 411 = nợ Có TK 4111 (trên sổ chi tiết) = 5,250,000,000 đồng

2.Thặng dư vốn cổ phần - Mã số 412

Mã số 412 = nợ Có TK 4112 (trên sổ chi tiết) = 0 đồng

3.Vốn khác của chủ sở hữu - Mã số 413

Mã số 413 = nợ Có TK 4113 (trên sổ chi tiết) = 0 đồng

4.Cổ phiếu quỹ - Mã số 414

Mã số 414 = nợ Có TK 419 (trên sổ cái) = 0 đồng

5.Cheãnh lệch tỷ giá hối đoái - Mã số 415

Mã số 415 = nợ Có TK 413 (trên sổ cái) = 0 đồng

6.Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu - Mã số 416

Mã số 416 = nợ Có TK 418 (trên sổ cái) = 40,342,536 đồng

7.Laõi chĩa phân phối - Mã số 417

Mã số 417 = nợ Có TK 421 (trên sổ cái) = 2,913,535,419 đồng

Vậy ,

Hoàn thiện công tác lập và phân tích bảng cân đối kế toán tại công ty cổ phần Bê tông và phát triển hạ tầng Hải Phòng

Maõ soá 410 = Maõ soá 411 + Maõ soá 412 + Maõ soá 413 + Maõ soá 414 + Maõ soá 415 + Maõ soá 416 + Maõ soá 417 = 5,250,000,000 + 0 + 0 + 0 + 0 + 40,342,536 + 2,913,535,419 = 8,203,877,955 đồng

II. Quyõ khen thõõung, phuõc lõõi - Maõ soá 430

Maõ soá 420 = dõ Cõu TK 431 (treân soá caù) = 17,171,268 đồng

Vây, Maõ soá 400 = Maõ soá 410 + Maõ soá 430 = 8,203,877,955 + 17,171,268 = 8,221,049,223 đồng

TÕNG CÕNG NGUÕN VÕN - Maõ soá 440

Maõ soá 440 = Maõ soá 300 + Maõ soá 400

= 46,807,879,067 + 8,221,049,223 = 55,028,928,290 đồng

***Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán:**

Công ty không phát sinh các chỉ tiêu này trong năm 2010

Đến ngày 25 tháng 1 năm 2010, Bảng cân đối kế toán của công ty cổ phần Bê tông và phát triển hạ tầng Hải Phòng đã được lập hoàn chỉnh như sau:

Biểu số 2.16:

Công ty CP Bê tông & PT HT HPM Mẫu số B01- DNN

Mê Linh – Dương Kinh – Hải Phòng (Ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A-TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		49,709,075,664	31,817,006,683
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	III.01	1,495,292,763	1,051,213,573
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	III.05	5,000,000	
1. Đầu tư tài chính ngắn hạn	121		5,000,000	
2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn (*)	129			
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		14,039,063,376	6,829,413,093
1. Phải thu của khách hàng	131		10,269,151,460	6,088,900,083
2. Trả trước cho người bán	132		3,468,525,916	456,210,485
3. Các khoản phải thu khác	138		301,386,000	284,302,525
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139			
IV. Hàng tồn kho	140		8,195,449,142	5,014,845,038
1. Hàng tồn kho	141	III.02	8,195,449,142	5,014,845,038
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149			
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		25,974,270,383	18,921,534,979
1. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	151			
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	152			21,725,501
3. Tài sản ngắn hạn khác	158		25,974,270,383	18,899,809,478
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+230+240)	200		5,319,852,626	3,541,989,068
I. Tài sản cố định	210	III.03.04	5,152,060,281	3,274,417,999

Hoàn thiện công tác lập và phân tích bảng cân đối kế toán tại công ty cổ phần Bê tông và phát triển hạ tầng Hải Phòng

1. Nguyên giá	211		5,764,390,575	4,082,282,116
2. Giá trị hao mòn lũy kế (*)	212		(957,554,318)	(807,864,117)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	213		345,224,024	
II. Bất động sản đầu tư	220			
1. Nguyên giá	221			
2. Giá trị hao mòn lũy kế (*)	222			
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	230	III.05		5,000,000
1. Đầu tư tài chính dài hạn	231			5,000,000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	239			
IV. Tài sản dài hạn khác	240		167,792,345	262,571,069
1. Phải thu dài hạn	241			
2. Tài sản dài hạn khác	248		167,792,345	262,571,069
3. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	249			
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (250 = 100 + 200)	250		55,028,928,290	35,358,995,751

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 320)	300		46,807,879,067	28,493,195,383
I. Nợ ngắn hạn	310		45,692,879,067	28,103,195,383
1. Vay ngắn hạn	311		3,481,661,111	2,000,000,000
2. Phải trả cho người bán	312		31,687,548,816	20,929,566,041
3. Người mua trả tiền trước	313		8,631,638,938	3,443,154,001
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	III.06	1,698,053,710	1,268,506,782
5. Phải trả người lao động	315		165,672,065	188,457,632
6. Chi phí phải trả	316		13,229,780	9,740,706
7. Các khoản phải trả ngắn hạn khác	318		15,074,647	263,770,221
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	319			
II. Nợ dài hạn	320		1,115,000,000	390,000,000
1. Vay và nợ dài hạn	321		1,115,000,000	390,000,000
2. Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm	322			
3. Phải trả, phải nộp dài hạn khác	328			

Hoàn thiện công tác lập và phân tích bảng cân đối kế toán tại công ty cổ phần Bê tông và phát triển hạ tầng Hải Phòng

4. Dự phòng phải trả dài hạn	329			
B - VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		8,221,049,223	6,865,800,368
I. Vốn chủ sở hữu	410	III.07	8,203,877,955	6,857,071,558
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		5,250,000,000	5,250,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412			
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413			
4. Cổ phiếu quỹ (*)	414			
5. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	415			
6. Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	416		40,342,536	23,457,620
7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	417		2,913,535,419	1,583,613,938
II. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	430		17,171,268	8,728,810
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		55,028,928,290	35,358,995,751

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Số cuối năm	Số đầu năm
1- Tài sản thuê ngoài		
2- Vật tư, hàng hoá nhận giữ hộ, nhận gia công		
3- Hàng hoá nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		
4- Nợ khó đòi đã xử lý		
5- Ngoại tệ các loại		

Lập, ngày 25 tháng 1 năm 2011

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn : Trích Báo cáo tài chính năm 2010 của công ty cổ phần Bê tông và phát triển hạ tầng Hải Phòng)

Bước 7: Kiểm tra, ký duyệt

Sau khi lập xong bảng cân đối kế toán, người lập bảng cùng với kế toán trưởng sẽ kiểm tra lại lần nữa cho đúng và phù hợp, sau đó in ra và ký duyệt. Cuối cùng, bảng cân đối kế toán cùng với các báo cáo tài chính khác sẽ được kế toán trưởng trình lên giám đốc xem xét và ký duyệt.

Hoàn thiện công tác lập và phân tích bảng cân đối kế toán tại công ty cổ phần Bê tông và phát triển hạ tầng Hải Phòng

Như vậy, công tác lập bảng cân đối kế toán của công ty Bê tông và phát triển hạ tầng Hải Phòng được hoàn thành. Cứ ba năm một lần, công ty sẽ định kỳ mời công ty “TNHH Kiểm toán và tư vấn tài chính” về kiểm toán các báo cáo tài chính cho mình.

2.3. Thực tế và phân tích bảng cân đối kế toán tại công ty cổ phần Bê tông và phát triển hạ tầng Hải Phòng

Đối với công ty cổ phần Bê tông và phát triển hạ tầng Hải Phòng, sau khi hoàn thành việc lập bảng cân đối kế toán thì cùng với các báo cáo tài chính khác, bảng cân đối kế toán sẽ được trình lên giám đốc ký duyệt. Công ty không thực hiện việc phân tích bảng cân đối kế toán.

CHƯƠNG 3:

MỘT SỐ ĐỀ XUẤT NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC LẬP VÀ PHÂN TÍCH BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN BÊ TÔNG VÀ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG HẢI PHÒNG

3.1.Đánh giá những ưu điểm và hạn chế trong công tác kế toán nói chung và công tác lập và phân tích bảng cân đối kế toán nói riêng tại công ty cổ phần Bê tông và phát triển hạ tầng Hải Phòng.

3.1.1.Uu điểm

•*Về tổ chức bộ máy kế toán*

-Công ty đã áp dụng mô hình kế toán tập trung, mọi nghiệp vụ đều được phòng tài chính tổng hợp xử lý và ghi sổ kế toán.

-Kế toán trưởng trực tiếp làm trưởng phòng tài chính tổng hợp và là người có quyền quyết định cao nhất, chịu trách nhiệm phân công công việc cụ thể cho các kế toán viên, luôn sát sao kiểm tra công tác kế toán tại công ty. Do vậy, công tác kế toán tại công ty đảm bảo tập trung, thống nhất và thuận lợi hơn.

-Đội ngũ nhân viên kế toán tại công ty đều là các cử nhân chuyên ngành, đầy đủ kiến thức và kỹ năng làm việc.

•*Về việc áp dụng chính sách và hệ thống sổ sách kế toán*

-Công ty đã áp dụng đúng hệ thống sổ sách, mẫu bảng biểu phù hợp quyết định 48/2006/QĐ-BTC ban hành ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính.

-Thực hiện đúng các phương pháp hạch toán hàng tồn kho, tính trị giá xuất kho, phương pháp tính khấu hao, tính thuế GTGT như đã đăng ký.

•*Về công tác lập bảng cân đối kế toán*

-Các bước chuẩn bị cho việc lập Bảng cân đối kế toán được tiến hành tuân tự nghiêm túc, đảm bảo tính trung thực.

-Bảng cân đối kế toán năm 2010 của công ty được lập theo đúng quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ban hành ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính.

3.1.2.Hạn chế

•*Về tổ chức bộ máy kế toán*

-Phòng kế toán của công ty hiện nay ngoài kế toán trưởng và thủ quỹ ra chỉ còn hai nhân viên kế toán là kế toán tổng hợp và kế toán thống kê, khó đáp ứng được khối lượng công việc.

-Hiện nay, công tác kế toán tại công ty chưa được phân chia cho các kế toán viên theo từng phần hành kế toán cụ thể.

• *Về công tác hạch toán kế toán*

Công ty chưa ứng dụng phần mềm kế toán trong công tác hạch toán, nên khối lượng công việc của các nhân viên kế toán rất vất vả.

• *Về công tác phân tích bảng cân đối kế toán*

Công ty chưa thực hiện phân tích tài chính, tình hình biến động các chỉ tiêu trên bảng cân đối kế toán cũng như cơ cấu tài sản và nguồn vốn. Vì thế mà chưa thấy những nguy cơ tiềm ẩn tài chính, cũng như xu hướng biến động ảnh hưởng đến các kết quả kinh tế trong tương lai. Vì vậy, tồn tại này sẽ gây khó khăn cho công tác quản lý cũng như tìm kiếm các giải pháp nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của công ty.

3.2. Định hướng phát triển sản xuất kinh doanh của công ty cổ phần Bê tông và phát triển hạ tầng Hải Phòng.

Nền kinh tế thị trường trên đà phục hồi sau khủng hoảng kinh tế, đem lại cho các doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp vừa và nhỏ những thách thức và cơ hội phát triển mới. Trong điều kiện đó, công ty Bê tông và phát triển hạ tầng Hải Phòng, đã đề ra cho mình những định hướng phát triển trong ngắn hạn, đảm bảo sự phát triển bền vững của công ty.

-Đẩy mạnh việc sản xuất các cấu kiện bê tông đúc sẵn, vừa đảm bảo cho việc thi công các công trình mà công ty đang hoàn thiện, vừa đảm bảo nguồn hàng cung ứng cho thị trường.

-Mở rộng thị trường ra toàn miền Bắc cho hoạt động thi công các công trình xây dựng, giữ vững và tạo uy tín cho sản phẩm cấu kiện bê tông đúc sẵn tại thị trường Hải Phòng.

-Đặc biệt chú trọng công tác thu hồi công nợ.

-Khai thác và sử dụng hiệu quả các loại nguồn vốn, nâng cao hiệu quả hoạt động tài chính của công ty.

3.3.Sự cần thiết phải hoàn thiện công tác lập và phân tích bảng cân đối kế toán tại công ty cổ phần Bê tông và phát triển hạ tầng Hải Phòng.

Trong hệ thống báo cáo tài chính, Bảng cân đối kế toán được coi là tấm gương phản ánh trung thực nhất về tình hình hoạt động tài chính cũng như thực trạng vốn hiện thời của doanh nghiệp. Bảng cân đối kế toán đóng vai trò hết sức quan trọng đối với bất kỳ một doanh nghiệp nào, không những phản ánh vừa khái quát vừa chi tiết tình trạng tài sản và vốn của doanh nghiệp mà còn là minh chứng thuyết phục cho một dự án vay vốn khi doanh nghiệp trình lên ngân hàng, và đồng

thời cũng là căn cứ đáng tin cậy để các đối tác xem xét khi muốn hợp tác với doanh nghiệp.

Những thông tin do bảng cân đối kế toán mang lại, phần lớn phục vụ nhu cầu nắm bắt tình hình tài chính của lãnh đạo doanh nghiệp. Để có được những thông tin tài chính quan trọng đó, kế toán cần tiến hành việc lập bảng cân đối kế toán sao cho đầy đủ và chính xác, đồng thời phải tiến hành phân tích ý nghĩa các con số thể hiện trên bảng cân đối kế toán, nhằm thấy được biến động trong quá khứ và xu hướng của hiện tại, tương lai.

Hiện nay, bên cạnh những ưu điểm thì công tác lập và phân tích bảng cân đối kế toán tại công ty cổ phần Bê tông và phát triển hạ tầng Hải Phòng còn gặp những hạn chế như đã nêu ở trên (P-3.1.2). Đặc biệt quan trọng là công ty chưa thực hiện việc phân tích báo cáo tài chính nói chung và bảng cân đối kế toán nói riêng.

Bởi vậy, việc hoàn thiện công tác lập và phân tích bảng cân đối kế toán tại công ty cổ phần Bê tông và phát triển hạ tầng Hải Phòng là thực sự cần thiết.

3.4. Một số ý kiến đề xuất nhằm hoàn thiện công tác lập và phân tích bảng cân đối kế toán tại công ty cổ phần Bê tông và phát triển hạ tầng Hải Phòng.

Qua thời gian thực tập tại công ty cổ phần Bê tông và phát triển hạ tầng Hải Phòng, được thực tế quan sát tìm hiểu công tác hạch toán kế toán và lập báo cáo tài chính của đơn vị, em thấy được một số ưu nhược điểm như đã trình bày ở trên. Với mong muốn hoàn thiện công tác lập và phân tích bảng cân đối kế toán của công ty cổ phần Bê tông và phát triển hạ tầng Hải Phòng, em xin mạnh dạn đưa ra những ý kiến sau:

Ý kiến thứ nhất: Công ty nên thực hiện phân tích Bảng cân đối kế toán

Theo em, công ty cần thực sự coi trọng và tiến hành một cách chi tiết và đầy đủ công tác phân tích báo cáo tài chính, mà trước hết là phân tích bảng cân đối kế toán. Để phân tích bảng cân đối kế toán được đầy đủ, kế toán công ty có thể thực hiện theo trình tự phân tích gồm 3 bước như sau:

Lập kế hoạch phân tích

- Xác định nội dung, chỉ tiêu phân tích.
- Chuẩn bị nguồn tài liệu đã được kiểm tra tính xác thực để phục vụ việc phân tích.
- Xác định thời gian bắt đầu và hoàn thành phân tích.
- Phân công công việc cho những thành viên thực hiện

Tiến hành phân tích bảng cân đối kế toán

- Lập bảng tính toán chênh lệch giữa đầu kỳ và cuối kỳ phân tích, của các chỉ tiêu trên BCĐKT
- Xây dựng hệ thống các hệ số tài chính liên quan
- Khi phân tích cần đặc biệt chú trọng những chỉ tiêu có biến động lớn, đồng thời cần có sự liên hệ giữa các chỉ tiêu khác liên quan => Kết luận chính xác.

Lập báo cáo phân tích

- Đánh giá được ưu, khuyết điểm trong năm hoạt động vừa qua, đồng thời chỉ ra nguyên nhân cơ bản đã gây tác động
- Đề xuất được một số biện pháp cải thiện những công tác chưa tốt và nâng cao những công tác đã làm tốt.

Cụ thể, tiến hành phân tích bảng cân đối kế toán năm 2010 của công ty cổ phần Bê tông và phát triển hạ tầng Hải Phòng như sau:

(1) Phân tích tình hình biến động và cơ cấu tài sản

Dựa vào số liệu trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 lập bảng “Phân tích tình hình biến động và cơ cấu tài sản” (biểu số 3.1) như sau:

Biểu số 3.1:

Công ty cổ phần Bê tông và phát triển hạ tầng Hải Phòng

BẢNG PHÂN TÍCH TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VÀ CƠ CẤU TÀI SẢN

Đơn vị tính: Đồng

CHỈ TIÊU	Số đầu năm	Số cuối năm	Cuối năm so với đầu năm		Tỷ trọng(%)	
			Số tiền (đ)	Tỷ lệ	Đầu năm	Cuối năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	31,817,006,683	49,709,075,664	+17,892,068,981	+56.23%	90.00%	90.33%
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	1,051,213,573	1,495,292,763	+444,079,190	+42.24%	2.97%	2.72%
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	-	5,000,000	+5,000,000			0.01%
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	6,829,413,093	14,039,063,376	+7,209,650,283	+105.57%	19.32%	25.51%
IV. Hàng tồn kho	5,014,845,038	8,195,449,142	+3,180,604,104	+63.42%	14.18%	14.89%
V. Tài sản ngắn hạn khác	18,921,534,979	25,974,270,383	+7,052,735,404	+37.27%	53.52%	47.20%
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	3,536,989,068	5,319,852,626	+1,782,863,558	+50.41%	10.00%	9.67%
I. Các khoản phải thu dài hạn	-	-				
II. Tài sản cố định	3,274,417,999	5,152,060,281	+1,877,642,282	+57.34%	9.26%	9.36%
III. Bất động sản đầu tư	-	-				
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	-	-				

V. Tài sản dài hạn khác	262,571,069	167,792,345	-94,778,724	-36.10%	0.74%	0.30%
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	35,353,995,751	55,028,928,290	+19,674,932,539	55.65%	100.00%	100.00%

Nhìn vào bảng số liệu trên, nhận thấy rằng tổng tài sản của công ty tính đến cuối năm 2010 đã tăng lên đáng kể so với năm trước, từ 35,353,995,751 đồng lên tới 55,028,928,290 đồng. Như vậy tổng tài sản tăng thêm 19,674,932,539 đồng (tức tăng khoảng 55.65% so với cùng kỳ năm trước). Điều này chứng tỏ quy mô vốn kinh doanh của công ty ngày càng được mở rộng. Tỷ trọng tài sản ngắn hạn của công ty cuối năm 2010 chiếm 90.33%, tăng 0,33% so với đầu năm. Thay vào đó, tỷ trọng tài sản dài hạn giảm từ 10.00% xuống còn 9.67% vào cuối năm.

Về tài sản ngắn hạn, trong năm 2010, tất cả các chỉ tiêu đều tăng về mặt giá trị, mức tăng của tài sản ngắn hạn chủ yếu là do:

Thứ nhất “Tài sản ngắn hạn khác” tăng 37.27% so với cùng kỳ năm trước từ 18,921,534,979 đồng đến 25,974,270,383 đồng. Xét về tỷ trọng trong tổng tài sản, “Tài sản ngắn hạn khác” có xu hướng giảm, năm 2010 giảm 6,32% so với cùng kỳ năm 2009, nhưng vẫn chiếm tỷ trọng cao trong tổng tài sản (47,2%). Toàn bộ giá trị tài sản ngắn hạn khác là tiền “Tạm ứng” cho các tổ đội công trình đang thi công. Khi xem xét sổ cái và sổ chi tiết TK 141 “Tạm ứng” nhận thấy số tiền chủ yếu tạm ứng là “Tạm ứng xây lắp giao khoán” - TK 1413. Các công trình mà công ty thực hiện hầu hết là các công trình xây dựng ngắn hạn (từ khoảng 2 đến 8 tháng là hoàn thành) và được hoàn tạm ứng tại thời điểm quyết toán công trình. Tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2010, công ty còn 5 công trình ngắn hạn chưa hoàn thành quyết toán là công trình Cống Kênh Vàng - Hải Dương, Trạm bơm Hòa Liễu, Đê tả sông Hóa - Vĩnh Bảo, Kênh Ngũ Đoan II- Kiến Thụy, Đắp đê và lấp Đầm Tả - Thái Bình, tổng số tiền tạm ứng lên tới 13,873,042,984 đồng và 4 công trình khác đã hoàn thành quyết toán nhưng chưa thu được tiền từ chủ thầu, tổng số tiền là 11,700,393,382 đồng, xem chi tiết trên Bảng tổng hợp chi tiết TK 141 (biểu số 2.11). Bởi vậy mà, tại thời điểm lập báo cáo, chỉ tiêu “Tài sản ngắn hạn khác” chiếm tới 47,2% tỷ trọng tổng tài sản cho thấy, công tác hoàn thành quyết toán công trình cũng như thu hồi các khoản đã quyết toán của công ty trong năm 2010 là chưa tốt. Tài sản ngắn hạn khác chiếm tỷ trọng cao trong tổng tài sản như vậy sẽ gây khó khăn cho công ty trong việc thanh toán các khoản nợ, bởi “Tạm ứng” là loại tài sản có tính thanh khoản rất thấp. Để khắc phục tình trạng này, công ty cần tập trung vào việc thu hồi các khoản tiền đã hoàn thành quyết toán đồng thời đẩy nhanh tiến độ thi công các công trình còn dang dở nhằm rút ngắn thời gian ứ đọng vốn cũng như giảm tỷ trọng “Tài sản ngắn hạn khác” trong tổng tài sản xuống.

Thứ hai “Các khoản phải thu ngắn hạn” tăng mạnh, tới 105.57% so với đầu năm, từ 6,829,413,093 đồng lên 14,039,063,376 đồng. Xét về tỷ trọng trong tổng tài sản chỉ tiêu ngày tăng 6,19%. Mức tăng này chủ yếu là do “Phải thu khách hàng” tăng từ 6,088,900,083 đồng đến 10,269,151,460 đồng (*Nguồn: bảng cân đối tài khoản*) cho thấy, công ty đang bị chiếm dụng vốn từ khách hàng, mặc dù tất cả các khoản phải thu khách hàng trên sổ chi tiết của công ty đều là các khoản phải thu trong ngắn hạn. Phần lớn giá trị các khoản phải thu này là thu từ việc hoàn thiện quyết toán các công trình xây dựng, bao gồm cả các công trình chưa hoàn thành nghiệm thu quyết toán và các công trình đã quyết toán xong nhưng khách hàng vẫn nợ tiền. Điều này cho thấy công tác xem xét năng lực tài chính của chủ đầu tư trước khi đấu thầu cũng như công tác nghiệm thu thanh quyết toán các công trình đã hoàn thành và công tác thu hồi công nợ của công ty trong năm vừa qua là chưa tốt. Với tỷ trọng trong tổng tài sản là 25,51 % như vậy, công ty cần tăng cường hơn nữa tốc độ thu hồi công nợ trong năm tới.

Thứ ba “Hàng tồn kho” tại thời điểm cuối năm là 8,195,449,142 đồng, có tăng so với đầu năm 63.42%. Điều này cho thấy quy mô hoạt động của công ty đang trên đà phát triển. “Thành phẩm” tại thời điểm cuối năm giảm rất nhiều so với đầu năm từ 751,919,200 đồng xuống còn 145,353,469 đồng (*biểu số 2.14*) cho thấy năm 2010 công tác quản lý dự trữ hàng tồn kho công ty đã làm tốt, vì sản phẩm của công ty là các ống cống bê tông lớn, công kênh nếu lượng tồn lớn có thể tồn kém chi phí lưu kho bãi và hư hại về phẩm chất. Hơn nữa quy trình sản xuất ống cống bê tông tương đối đơn giản, nên dễ dàng đáp ứng được nhu cầu của khách hàng. Mức biến động tăng lớn trong hàng tồn kho là chỉ tiêu “Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang” tăng 3,641,621,244 đồng trong năm qua, gần gấp đôi so với năm 2009 (*biểu số 2.14*). Khoản chi phí dở dang này nằm tại các công trình thi công chưa hoàn thiện. Xét về tỷ trọng trong tổng tài sản đến cuối năm hàng tồn kho chiếm 14,89%, tăng được 0.71% về tỷ trọng. Để giảm tỷ trọng hàng tồn kho, trong năm tới công ty cần đẩy nhanh tốc độ thi công công trình và phòng Vật tư-thiết bị của công ty cần phối hợp với phòng tài chính tổng hợp lập dự toán mua vật tư phục vụ từng công trình sao cho phù hợp, tránh để tình trạng mua quá nhiều gây tồn đọng vốn, hoặc mua không đủ đáp ứng nhu cầu dẫn đến phải mua nhiều lần.

Về tài sản dài hạn, so với năm 2009, đã giảm 0,33% xét về tỷ trọng trong tổng tài sản. Nguyên nhân là do, mặc dù rằng chỉ tiêu “Tài sản cố định” đã tăng thêm 0,1% về tỷ trọng tổng tài sản, từ 3,274,417,999 đồng lên 5,152,060,281 đồng,

tăng thêm khoảng 57.34% . Nhưng do “Tài sản dài hạn khác” mà cụ thể là “Chi phí trả trước dài hạn” giảm từ 262,571,069 đồng xuống còn 167,792,345 đồng, khoảng 36.1%, làm tài sản dài hạn giảm 0,43% trong tổng tài sản.

Năm 2010, trong bình quân 100 đồng vốn, công ty dành tới 90,3 đồng đầu tư vào tài sản ngắn hạn và 9,7 đồng đầu tư cho tài sản dài hạn. Điều này được lý giải là do quy mô vốn của công ty hiện nay còn nhỏ, nên chỉ thực thi các công trình trong ngắn hạn. Hơn nữa, công ty chủ yếu thuê máy móc thiết bị xây dựng phục vụ cho từng công trình đấu thầu được thay vì tự trang bị. Dẫn tới cơ cấu tài sản chủ yếu là tài sản ngắn hạn chiếm tới 90.33% còn tài sản dài hạn chỉ chiếm 9.67%. Đối với một công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực xây dựng, phát triển hạ tầng thì nên tự trang bị tài sản cố định phục vụ cho việc thi công các công trình. Một mặt hướng tới sự phát triển lâu dài của công ty, mặt khác tạo uy tín trước các chủ thầu từ đó mà ký kết được các hợp đồng có giá trị lớn. Do vậy, công ty nên xem xét việc tiến hành mua sắm các máy móc thiết bị phục vụ thi công các công trình xây dựng và sản xuất các cấu kiện bê tông.

(2) Phân tích tình hình biến động và cơ cấu nguồn vốn

Dựa vào số liệu trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 lập bảng “Phân tích tình hình biến động và cơ cấu nguồn vốn” (biểu số 3.2) như sau:

Biểu số 3.2:

Công ty cổ phần Bê tông và phát triển hạ tầng Hải Phòng

BẢNG PHÂN TÍCH TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VÀ CƠ CẤU NGUỒN VỐN

Đơn vị tính: Đồng

CHỈ TIÊU	Số đầu năm	Số cuối năm	Cuối năm so với đầu năm		Tỷ trọng	
			Số tiền (đ)	Tỷ lệ	Đầu năm	Cuối năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	28,493,195,383	46,807,879,067	18,314,683,684	64.28%	80.56%	85.03%
I. Nợ ngắn hạn	28,103,195,383	45,692,879,067	17,589,683,684	62.59%	79.46%	83.01%
1. Vay ngắn hạn	2,000,000,000	3,481,661,111	1,481,661,111	74.08%	5.65%	6.32%
2. Phải trả cho người bán	20,929,566,041	31,687,548,816	10,757,982,775	51.40%	59.18%	57.57%
3. Người mua trả tiền trước	3,443,154,001	8,631,638,938	5,188,484,937	150.69%	9.74%	15.68%
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	1,268,506,782	1,698,053,710	429,546,928	33.86%	3.59%	3.08%
5. Phải trả người lao động	188,457,632	165,672,065	-22,785,567	-12.09%	0.53%	0.30%
6. Chi phí phải trả	9,740,706	13,229,780	3,489,074	35.82%	0.03%	0.02%
7. Các khoản phải trả ngắn hạn khác	263,770,221	15,074,647	-248,695,574	-94.28%	0.75%	0.03%
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	-	-	-	-	-	-
II. Nợ dài hạn	390,000,000	1,115,000,000	725,000,000	185.90%	1.10%	2.03%

1. Vay và nợ dài hạn	390,000,000	1,115,000,000	725,000,000	185.90%	1.10%	2.03%
2. Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm	-	-	-	-	-	-
3. Phải trả, phải nộp dài hạn khác	-	-	-	-	-	-
4. Dự phòng phải trả dài hạn	-	-	-	-	-	-
B - VỐN CHỦ SỞ HỮU	6,874,529,178	8,238,220,491	1,363,691,313	19.84%	19.44%	14.97%
I. Vốn chủ sở hữu	6,865,800,368	8,221,049,223	1,355,248,855	19.74%	19.41%	14.93%
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	5,250,000,000	5,250,000,000	0	0.00%	14.84%	9.54%
2. Thặng dư vốn cổ phần	-	-	-	-	-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	-	-	-	-	-	-
4. Cổ phiếu quỹ (*)	-	-	-	-	-	-
5. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	-	-	-
6. Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	23,457,620	40,342,536	16,884,916	71.98%	0.07%	0.07%
7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	1,583,613,938	2,913,535,419	1,329,921,481	83.98%	4.48%	5.29%
II. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	8,728,810	17,171,268	8,442,458	96.72%	0.02%	0.03%
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	35,367,724,561	55,046,099,558	19,678,374,997	55.64%	100.00%	100.00%

Nhìn vào số liệu biểu số 3.2, ta nhận thấy rằng đồng nghĩa với việc tăng tổng tài sản thì tổng nguồn vốn cũng tăng từ 35,353,995,751 đồng đến 55,028,928,290 đồng. Như vậy tổng nguồn vốn tăng thêm 19,674,932,539 đồng (tức tăng khoảng 55.65% so với cùng kỳ năm trước). “Nợ phải trả” cuối năm tăng 18,314,683,684 đồng so với năm ngoái (tương đương 64.28%) chiếm tới 85.03% tỷ trọng trong tổng nguồn vốn. Trong khi đó “Vốn chủ sở hữu” giảm 1,363,691,313 đồng (tương đương 19.84%), xét về tỷ trọng trong nguồn vốn, thì chỉ tiêu này giảm đi 4.47%. Điều này cho thấy hiện nay công ty đang sử dụng chủ yếu là đồng vốn vay hoặc vốn đi chiếm dụng trong kinh doanh.

“Nợ phải trả” có xu hướng tăng về tỷ trọng từ 80.56% lên 85.03% cho thấy mức độ phụ thuộc về mặt tài chính của công ty tăng.

“Nợ ngắn hạn” xét về tỷ trọng trong tổng nguồn vốn tăng lên 3.55%; xét về giá trị, khoản nợ này tăng tới 17,589,683,684 đồng, tức khoảng 62.59% so với cùng kỳ năm ngoái. “Nợ ngắn hạn” tăng là do “Phải trả người bán” tăng 10,757,982,775 đồng, so với cùng kỳ năm 2009 tăng 51.40%, nhưng xét về tỷ trọng trong tổng nguồn vốn thì chỉ tiêu này lại giảm 1,61%. “Người mua trả tiền trước” tăng 5,188,484,937 đồng (tức khoảng 1,5 lần so với cùng kỳ năm ngoái), tăng 5.94% về tỷ trọng. “Vay ngắn hạn” tăng thêm 1,481,661,111 đồng, tương đương 0.67% về tỷ trọng. Các chỉ tiêu còn lại tăng giảm không đáng kể. Qua phân tích thấy được rằng, hiện nay công ty đang sử dụng một lượng lớn vốn chiếm dụng từ người bán, chiếm tới 57.57% tổng vốn, hơn nữa, số vốn chiếm dụng này chỉ trong ngắn hạn, đây có thể sẽ là mối nguy hiểm tài chính trong tương lai của công ty. Bởi vậy, mà công ty cần xem lại và thống kê các khoản phải trả gần nhất, đánh giá khả năng thanh toán của mình cũng như việc thu hồi công nợ có kịp thời đảm bảo việc thanh toán hay không.

“Nợ dài hạn” trong năm 2010 tăng thêm 725,000,000 đồng, tương đương 0.93% về tỷ trọng trong tổng nguồn vốn, toàn bộ là do “Vay và nợ dài hạn” tăng. Tuy nhiên tỷ trọng các khoản vay dài hạn còn thấp, cuối năm là 2,03% tổng nguồn vốn. Cho thấy cơ cấu nguồn vốn vay của công ty lớn hơn rất nhiều so với vốn chủ sở hữu (chiếm 85,03%) mà chủ yếu là vay và nợ ngắn hạn (chiếm 83,01%). Trong 100 đồng vốn kinh doanh của công ty hiện nay có 85 đồng là vốn vay, vốn chiếm dụng và 15 đồng là vốn tự có. Đối với công ty chủ yếu hoạt động xây dựng hạ tầng, nếu vốn vay qua lớn có thể gây nguy hiểm cho tình hình tài chính của công ty. Bởi vậy, công ty cần xem xét cơ cấu nguồn vốn của các doanh nghiệp cùng lĩnh

vực hoạt động và có những tiến hành cơ cấu lại tỷ trọng sao cho phù hợp với cơ cấu ngành.

Đến đây, ta xem xét việc sử dụng vốn của công ty trong năm vừa qua

$$\begin{aligned}\bullet \text{Nguồn vốn dài hạn} &= \text{Nợ dài hạn} + \text{Vốn chủ sở hữu} \\ &= 1,115,000,000 + 8,238,220,491 \\ &= 9,353,220,491 \text{ đồng}\end{aligned}$$

$$\text{Tài sản dài hạn} = 5,319,852,626 \text{ đồng}$$

$$\Leftrightarrow \text{Nguồn vốn dài hạn} > \text{Tài sản dài hạn}$$

$$\bullet \text{Nợ ngắn hạn} = 45,692,879,067 \text{ đồng}$$

$$\text{Tài sản ngắn hạn} = 49,709,075,664 \text{ đồng}$$

$$\Leftrightarrow \text{Nợ ngắn hạn} < \text{Tài sản ngắn hạn}$$

Như vậy, công ty đã thực hiện đúng nguyên tắc sử dụng vốn trong kinh doanh. Nguồn vốn dài hạn không chỉ đủ tài trợ cho tài sản dài hạn, mà còn dư thừa để sử dụng cho ngắn hạn, tuy không nhiều (khoảng 4 tỷ đồng). Bởi công ty thực hiện chủ yếu các công trình trong ngắn hạn, nhưng để tài trợ cho tài sản ngắn hạn, công ty không đầu tư thêm vốn tự có mà dùng vốn chiếm dụng từ người bán. Đặc điểm thuận lợi của vốn đi chiếm dụng này là công ty không phải trả lãi vay. Tuy nhiên, lượng vốn chiếm dụng từ người bán chiếm tới 57.57% tổng vốn, hơn nữa, số vốn chiếm dụng này chỉ trong ngắn hạn. Không những làm giảm uy tín của công ty trên thị trường, mà còn gây nguy hiểm cho tài chính công ty nếu lịch trình trả nợ không được tính toán kỹ. Bởi vậy, công ty cần tiến hành ngay việc đối chiếu công nợ, xác định và sắp xếp các khoản nợ đến hạn trả theo thứ tự thời gian, từ đó vạch kế hoạch trả nợ hợp lý, tạo sự chủ động trong thanh toán.

*** Phân tích hệ số về khả năng thanh toán của công ty trong năm 2010:**

Biểu số 3.3:

Chỉ tiêu	Năm 2010	Năm 2009	Chênh lệch
1. Hệ số thanh toán tổng quát	1.176	1.241	-0.065
(=Tổng TS/ Nợ phải trả)			
2. Hệ số thanh toán nợ ngắn hạn	1.088	1.132	-0.044
(=Tài sản ngắn hạn/ Tổng nợ ngắn hạn)			
3. Hệ số thanh toán nhanh	0.033	0.037	-0.004
(=Tiền và tương đương tiền/ Tổng nợ ngắn hạn)			

Qua bảng trên ta thấy, năm 2010, cả ba hệ số biểu hiện khả năng thanh toán của công ty đều giảm so với cùng kỳ năm ngoái. Cụ thể:

(1)Hệ số thanh toán tổng quát của công ty trong năm 2010 là 1.176 lần năm 2009 là 1,241 lần, tuy có giảm hơn so với năm ngoái là 0.065 lần (tương đương 5,3%), nhưng hệ số này vẫn lớn hơn 1, có nghĩa là, tất cả các khoản vốn huy động từ bên ngoài đều có tài sản đảm bảo.

(2)Hệ số thanh toán nợ ngắn hạn của công ty trong năm 2010 là 1.088 lần. Cũng như hệ số thanh toán tổng quát, hệ số thanh toán nợ ngắn hạn tuy có giảm hơn so với năm 2009 là 0.044 lần (tương đương 3,9%), nhưng vẫn lớn hơn 1, nghĩa là 1 đồng nợ ngắn hạn được đảm bảo bằng 1,088 đồng tài sản ngắn hạn, cho thấy công ty có khả năng thanh toán hết các khoản nợ ngắn hạn của mình.

Hai hệ số này đều giảm hơn so với năm ngoái, cho thấy công ty có xu hướng giảm số vốn bị chiếm dụng, hoặc nhân rồi của mình, tăng hiệu quả sử dụng vốn nhưng vẫn có đủ tài sản đảm cho những đồng vốn huy động từ bên ngoài. Tuy nhiên với tỷ lệ 1,088 của hệ số thanh toán nợ ngắn hạn và 1.176 của hệ số thanh toán tổng quát, cho thấy sức mạnh tài chính của công ty còn yếu. Bởi lẽ, trong công thức tính hai hệ số này có bao gồm cả “Hàng tồn kho” và “Tài sản dài hạn khác”. Trên thực tế, hàng tồn kho có tính thanh khoản chậm, vừa mất thời gian và chi phí tiêu thụ mới chuyển thành tiền được. Còn tài sản dài hạn khác chủ yếu là các khoản tạm ứng thi công công trình, có khi quyết toán công trình xong rồi vẫn

chưa thu hết được tiền. Vậy để đánh giá đúng khả năng thanh toán của doanh nghiệp ta cần phải xét đến hệ số thanh toán nhanh

(3) Hệ số thanh toán nhanh của công ty năm 2010 là 0.033 lần, giảm 0.004 lần (tương đương 10.8%) so với cùng kỳ năm ngoái. Hệ số này cả hai năm đều nhỏ hơn 0.1, nghĩa là khả năng thanh toán nhanh các khoản nợ ngắn hạn đến hạn của doanh nghiệp là rất thấp. Sẽ rất nguy hiểm cho công ty nếu các khoản nợ đến dồn dập. Một lần nữa, công ty cần xem xét lại các khoản nợ gần đến hạn trả cũng như các khoản phải thu sớm để có hướng giải quyết kịp thời.

Tóm lại, thông qua việc phân tích trên có thể nhận thấy công ty cổ phần Bê tông và phát triển hạ tầng Hải Phòng đang gặp khó khăn về mặt tài chính, Thực lực tài chính của công ty đang mất dần tính tự chủ. Nguồn tài trợ chủ yếu cho các hoạt động thi công xây lắp của công ty hiện nay hơn một nửa là vốn chiếm dụng ngắn hạn từ người bán. Khả năng thanh toán nhanh các khoản nợ đến hạn của công ty là rất thấp. Chính bởi vậy, công ty cần phải tiến hành phân tích bảng cân đối kế toán nói riêng và các bảng báo cáo tài chính khác nhằm tìm ra hướng giải quyết đúng đắn trong thời gian tới.

Ý kiến thứ hai: Đẩy mạnh công tác thu hồi công nợ nhằm tăng cường khả năng thanh toán nhanh và giảm tỷ trọng khoản tạm ứng trong cơ cấu tài sản.

Qua phân tích tình hình biến động cơ cấu của các chỉ tiêu phần tài sản, nhận thấy “Các khoản phải thu ngắn hạn” chiếm 25,52% (tăng 6,19% so với cùng kỳ năm ngoái). Mức tăng này chủ yếu là do “Phải thu khách hàng” tăng từ 6,088,900,083 đồng đến 10,269,151,460 đồng (tương đương 68,65%).

Điều này chứng tỏ tình hình nợ đọng của công ty đang gia tăng. Nguyên nhân chủ yếu là do trong năm 2010, công tác nghiệm thu thanh toán các công trình đã hoàn thành của công ty còn chậm chễ. Đây cũng là nguyên nhân dẫn đến hệ số khả năng thanh toán nhanh của công ty đang ở mức rất thấp (0.033%) và tỷ trọng “Tài sản ngắn hạn khác” chiếm tỷ trọng cao trong tổng tài sản (47,2%). Toàn bộ giá trị tài sản ngắn hạn khác chính là tiền “Tạm ứng”.

Qua phân tích tình hình biến động cơ cấu của các chỉ tiêu phần nguồn vốn, cho thấy, “Nợ ngắn hạn” chiếm 83,01% tổng nguồn vốn, trong đó “Phải trả người bán” chiếm 57.57%. Điều này cho thấy, công ty đang chiếm dụng một khối lượng vốn ngắn hạn lớn từ nhà cung cấp, để tài trợ cho các hoạt động ngắn hạn của mình

Tình hình công ty hiện nay là một mặt không thu được tiền của chủ đầu tư, mặt khác tài sản của công ty không đảm bảo thuận lợi để vay vốn ngân hàng, công

ty phải sử dụng vốn chiếm dụng ngắn hạn từ người bán để tài trợ cho các công trình thi công khác đang ở giai đoạn thực hiện. Điều này sẽ tạo những ảnh hưởng tiêu cực tới uy tín của công ty trên thị trường.

Chính vì vậy, thu hồi được công nợ chính là biện pháp làm giảm tỷ trọng các khoản tạm ứng, đồng thời tiền thu về sẽ làm tăng khả năng thanh toán nhanh của công ty, trả được các khoản nợ, chiếm dụng ngắn hạn cho người bán. Hơn nữa công ty cần tính toán cân đối các nguồn vay, và chiếm dụng đặc biệt là các khoản phải trả người bán sao cho thời hạn thanh toán không dồn dập, ảnh hưởng đến khả năng thanh toán của doanh nghiệp. Từ đó, tình hình tài chính ngày càng lành mạnh hơn, thu hút các nhà đầu tư hay chủ thầu ký kết các hợp đồng kinh tế, giúp công ty phát triển ngày càng bền vững.

Biện pháp:

- Công ty cần tăng cường công tác nghiệm thu hoàn thành quyết toán các công trình, hạng mục thi công đã hoàn thành.
- Phải thường xuyên đón tiếp khách hàng, chủ thầu thanh toán cho mình.
- Trước khi tham gia đấu thầu công trình, cần xem xét kỹ lưỡng năng lực tài chính của các chủ thầu.
- Nghiên cứu và thực hiện một số chính sách chiết khấu thanh toán linh hoạt đối với các chủ thầu.

Ý kiến thứ ba: Công ty nên cơ cấu lại tỷ trọng vốn và nguồn vốn.

Hiện nay, tỷ trọng tài sản ngắn hạn của công ty tính đến cuối năm 2010 chiếm tới 90.33% , tài sản dài hạn chỉ chiếm 9.67% tổng tài sản. Tỷ trọng Nợ phải trả chiếm 85,03% , vốn chủ sở hữu chiếm 14.97% tổng nguồn vốn.

Xem xét cơ cấu vốn và nguồn vốn một số doanh nghiệp vừa và nhỏ trên địa bàn thành phố Hải Phòng có lĩnh vực hoạt động tương tự với công ty cổ phần Bê tông và phát triển hạ tầng Hải Phòng qua bảng sau:

(Nguồn: www.cophieu68.com/baocaotaichinhtheonhomnganh)

Biểu số 3.5:

Công ty	Địa chỉ	Tổng tài sản (nguồn vốn)	Tỷ trọng tài sản		Tỷ trọng nguồn vốn	
			Tài sản ngắn hạn	Tài sản dài hạn	Nợ phải trả	Vốn chủ sở hữu
CP đầu tư và xây dựng Đại An	Số 28, đường Nam Cầu Bính, Phường Thượng Lý - Hồng Bàng - Hai Phòng	48,822	81.61%	18.39%	73.52%	26,48%
CP tư vấn thiết kế xây dựng và phát triển hạ tầng Hưng Phát	Số 8, Phạm Bá Trục, Phường Quang Trung - Hồng Bàng - Hai Phòng	81,578	80.14%	19.86%	77.46%	22.54%
CP xây dựng và phát triển cơ sở hạ tầng	Cụm công Nghiệp Vĩnh Niệm, Đường Nguyễn Sơn Hà, Quận Lê Chân, TP.Hải Phòng	83,283	73.52%	26.48%	76.28%	23.72%
CP tư vấn và phát triển hạ tầng Hải Phòng	Số 4, Đường Chu Văn An, Phường Lê Lợi - Ngô Quyền - Hai Phòng	156,824	82.53%	17.47%	78,21%	21,79%

(Đơn vị tính: triệu đồng)

Qua bảng trên ta thấy, các doanh nghiệp vừa và nhỏ hoạt động trong lĩnh vực xây dựng hạ tầng, thì tỷ trọng trong tổng tài sản sẽ có khoảng 80% là tài sản ngắn hạn, 20% là tài sản dài hạn.

Mặc dù hiện nay, thị trường Việt Nam có rất nhiều biến động nên các doanh nghiệp chủ yếu thực hiện các kế hoạch, chiến lược ngắn hạn. Nhưng việc tập trung tới hơn 90% vào tài sản ngắn hạn và trên 85% là vốn huy động từ bên ngoài như công ty cổ phần Bê tông và phát triển hạ tầng Hải Phòng, là mất cân đối. Do vậy công ty cần tăng “Tài sản dài hạn” và giảm “Tài sản ngắn hạn”.

Để tăng “Tài sản dài hạn”, công ty nên đầu tư trang bị tài sản cố định. Bởi một công ty xây dựng có máy móc trang thiết bị hiện đại đầy đủ, tiềm lực tài chính mạnh mẽ không những thu hút các nhà đầu tư mà còn giúp công ty có được những hợp đồng thi công những công trình lớn. Vì vậy công ty nên tăng tỷ trọng đầu tư vào tài sản dài hạn nhằm trang bị cơ sở vật chất kỹ thuật cũng như năng lực sản xuất của công ty, thể hiện xu hướng phát triển lâu dài và bền vững của doanh

nghiệp. Công ty là một doanh nghiệp có hoạt động sản xuất các cấu kiện bê tông đúc sẵn, và có hoạt động thi công công trình xây dựng là chủ yếu, cần rất nhiều máy móc thiết bị hiện đại nếu cứ đi thuê theo từng công trình như hiện nay thì chi phí thi công sẽ tăng lên. Do vậy, xét theo hướng phát triển lâu dài, công ty nên lập kế hoạch mua sắm trang thiết bị phục vụ thi công các công trình xây dựng mình nhận thầu.

Để giảm “Tài sản ngắn hạn”, như ý kiến thứ hai đã trình bày, công ty nên tăng cường công tác thu hồi các khoản nợ ngắn hạn từ chủ thầu, khi thu được tiền có thể đem thanh toán cho các chủ nợ, các nhà cung cấp của mình, như vậy không chỉ có các khoản phải thu ngắn hạn giảm mà các khoản nợ ngắn hạn của công ty cũng giảm theo, làm cân đối hơn cơ cấu vốn và nguồn vốn

Xét về cơ cấu nguồn vốn, qua biểu 3.5, cho thấy, các doanh nghiệp vừa và nhỏ hoạt động trong lĩnh vực xây dựng hạ tầng, thì tỷ trọng trong tổng nguồn vốn sẽ có khoảng 75% là nợ phải trả, 25% là vốn chủ sở hữu. Hiện nay, cơ cấu nguồn vốn của công ty là “Nợ phải trả” chiếm 85,03% và “Vốn chủ sở hữu” chiếm 14,97% trong tổng nguồn vốn. Điều này cho thấy mức độ phụ thuộc về mặt tài chính của công ty là lớn và công ty đang có xu hướng tăng mức độ phụ thuộc này. Để có thể cơ cấu lại nguồn vốn sao cho tiến gần hơn tới cơ cấu chung, công ty cần tăng vốn chủ sở hữu và giảm các khoản nợ phải trả xuống.

Để tăng “Vốn chủ sở hữu”, đồng thời với các quyết định đầu tư vào tài sản cố định, công ty nên tìm kiếm nguồn đầu tư từ các cổ đông hoặc vay dài hạn để tài trợ, vừa đảm bảo đúng nguyên tắc sử dụng vốn, vừa tăng thêm tỷ trọng vốn chủ trong tổng nguồn vốn.

Để giảm các khoản “Nợ phải trả”, một mặt công ty cần thu hút cổ đông tăng nguồn vốn chủ để giải phóng bớt số nợ phải trả, mặt khác công ty cần tiến hành thu hồi các khoản nợ từ khách hàng, cũng như hoàn thiện công tác thanh quyết toán công trình, thu được tiền về để thanh toán cho các khoản nợ của mình.

Việc cơ cấu lại tài sản và nguồn vốn như thế này sẽ đảm bảo một tương lai tài chính lành mạnh và phát triển bền vững của công ty.

Ý kiến thứ tư: Công ty nên ứng dụng phần mềm kế toán vào hạch toán.

Trong điều kiện hiện nay, các phần mềm kế toán có trên thị trường hết sức phong phú và đa dạng, với nhiều tính năng đầy đủ. Hơn nữa, phòng tài chính tổng hợp, ngoài kế toán trưởng và thủ quỹ chỉ có 2 nhân viên kế toán, khối lượng công việc nhiều, rất vất vả. Việc đầu tư mua phần mềm kế toán, vừa đảm bảo tiến độ

hoàn thành cũng như tính chính xác của các thông tin nghiệp vụ kinh tế, vừa tạo tâm lý thoải mái cho nhân viên kế toán khi đi làm.

Hiện nay đã có những phần mềm kế toán chuyên dành cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ như công ty, rất dễ dàng sử dụng. Có thể kể ra như Adsoft, SIMBA Accouting, AccPro ... hoặc là các phần mềm dùng cho tất cả các loại hình doanh nghiệp như MISA, FAST Accouting, Bravo ...

(1) Phần mềm Kế toán Doanh nghiệp vừa và nhỏ MISA SME.NET 2010

Phần mềm kế toán MISA SME.NET 2010 gồm 13 phân hệ, được thiết kế dành cho các loại hình doanh nghiệp, với mục tiêu giúp doanh nghiệp không cần đầu tư nhiều chi phí, không cần hiểu biết nhiều về tin học và kế toán mà vẫn có thể sở hữu và làm chủ được hệ thống phần mềm kế toán quản lý mọi hoạt động kinh tế phát sinh của mình.

-Giá trên thị trường: 6.950,000 đồng (Nguồn: www.vatgia.com)

-Các tính năng vượt trội:

•In hóa đơn theo nghị định 51

-Hỗ trợ doanh nghiệp tự tạo mẫu, phát hành, in và sử dụng hóa đơn theo Nghị định 51/2010/NĐ-CP

-Đáp ứng 3 hình thức hóa đơn: Hóa đơn tự in, Hóa đơn đặt in, Hóa đơn điện tử.

-Quản lý số hóa đơn hủy, mất, cháy, hỏng, xóa bỏ và tự động lập Báo cáo tình hình sử dụng hóa đơn.



- Dễ tiếp cận và cài đặt, dễ sử dụng

Quy trình hạch toán bằng hình ảnh thân thiện, dễ hiểu, dễ sử dụng với phim, sách hướng dẫn và trợ giúp trực tuyến.

- Quản lý tổng quan tình hình tài chính

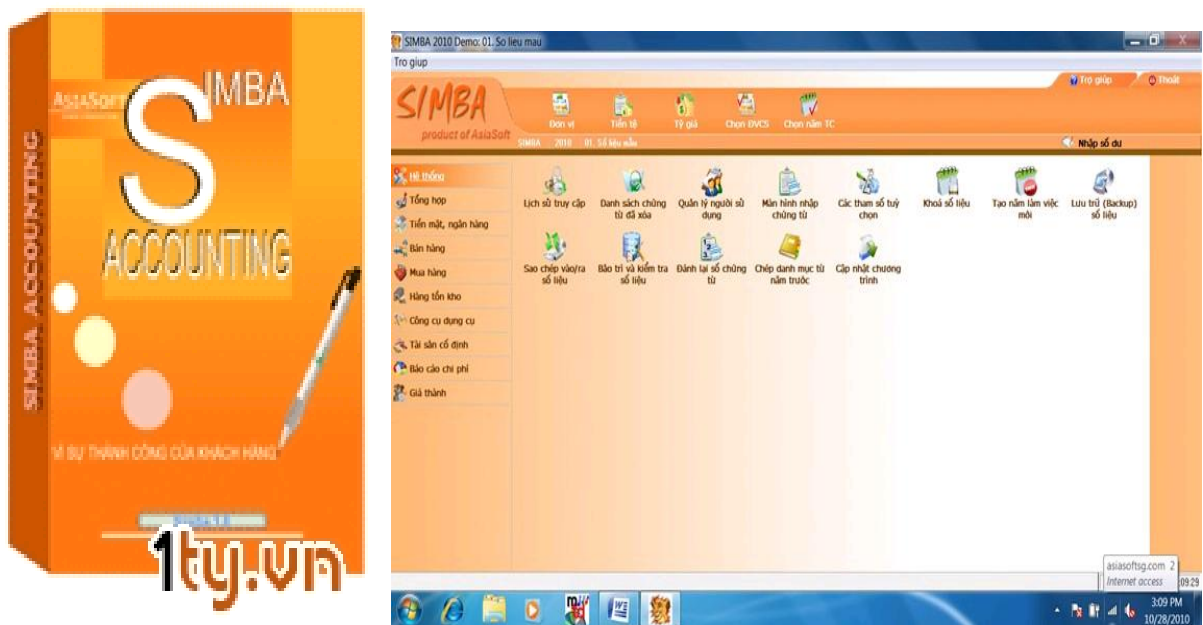
Tài chính doanh nghiệp được quản lý tập trung giúp nhà quản trị luôn nắm được tình hình sức khỏe doanh nghiệp.

- Cập nhật các chế độ kế toán tài chính mới nhất

Luôn cập nhật các chế độ kế toán tài chính, các thông tư hướng dẫn thuế, bảo hiểm... mới nhất.

(2) Phần mềm kế toán SIMBA

Được thiết kế dành cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ với mục tiêu giúp doanh nghiệp tiết kiệm chi phí, giảm thiểu những thủ tục không cần thiết, đơn giản hóa và làm gọn nhẹ công tác kế toán.



Giá trên thị trường: (Nguồn: www.vatgia.com)

+ SIMBA 2.6A : 3.330.000 đ / bản - dành cho lĩnh vực thương mại

+ SIMBA 2.6B : 4.990.000 đ / bản - dành cho lĩnh vực sản xuất và xây dựng

Các tính năng vượt trội:

- Cho phép bảo mật bằng mật khẩu và phân quyền truy cập chi tiết đến từng chức năng trong chương trình, từng người sử dụng.

- Cập nhật đầy đủ các biểu mẫu mới nhất của Bộ tài chính

- SIMBA hỗ trợ tính giá thành theo nhiều phương pháp như: giản đơn, định mức... đối tượng tập hợp chi phí có thể là sản phẩm, công trình, hợp đồng, đơn hàng...
- Công việc cài đặt SIMBA đơn giản và dễ dàng, hoàn toàn tự động
- Giao diện SIMBA được thiết kế theo hướng đơn giản dễ nhìn dễ thao tác cho người sử dụng.
- Các báo cáo trong phần mềm SIMBA khi xuất ra excel cho phép người dùng chọn 1 trong 3 bảng mã fonts sau: Unicode, VNI – Windows, TCVN (ABC)

(3)Phần mềm kế toán AccPro

AccPro là phần mềm kế toán được xây dựng nhằm đáp ứng cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ hoạt động trong các lĩnh vực Thương mại, Dịch vụ, Sản xuất và Xây dựng. **AccPro** áp dụng theo quyết định số 48/2006/QĐ – BTC ngày 14/09/2006 và quyết định số 15/2006/QĐ-BTC của bộ Tài Chính.



AccPro bao gồm các phân hệ chính, có mối quan hệ chặt chẽ với nhau:

1. Phân hệ Mua hàng5. Phân hệ Kho
2. Phân hệ Bán hàng6. Phân hệ Tài sản cố định, công cụ dụng cụ
3. Phân hệ Tổng hợp7. Hệ thống báo cáo
4. Phân hệ Vốn bằng tiền8. Phân hệ quản trị

Giá trên thị trường là 4,000,000 đồng/ bản. (Nguồn: www.vatgia.com)

Các tính năng vượt trội:

- Cho phép nhiều chi nhánh, công ty cùng nhập dữ liệu về hệ thống cùng một lúc, nhưng vẫn đảm bảo được tính an toàn, bảo mật và tức thời của dữ liệu.

- Hỗ trợ đa ngôn ngữ, cho phép người dùng cuối tùy chỉnh ngôn ngữ theo ý muốn. Giao diện window thân thiện với người dùng.
- Có nhiều phương pháp tính giá vốn hàng tồn kho (Bình quân, Đích danh, FIFO, LIFO)
- Hỗ trợ hình thức sổ kế toán: Nhật ký chung và Nhật ký chứng từ.
- Quản lý công nợ khách hàng, nhà cung cấp chi tiết theo hóa đơn, hợp đồng, phòng ban,...

Qua nghiên cứu tiện ích và giá cả một số phần mềm kế toán chuyên dùng hoặc có thể sử dụng cho doanh nghiệp vừa và nhỏ, em thấy rằng phần mềm MISA là thích hợp sử dụng cho công ty cổ phần Bê tông và phát triển hạ tầng Hải Phòng, vì phiên bản mới cho phép công ty có thể tiến hành in hóa đơn, phù hợp quy định của Bộ Tài chính, hơn nữa, MISA là phần mềm phổ biến thường được đưa vào nội dung giảng dạy tại các trường đại học hay các trung tâm kế toán, nên các nhân viên trong công ty có thể đã từng học qua. Công ty có thể ứng dụng ngay phần mềm MISA để hạch toán kế toán trong các niên độ kế toán tới.

KẾT LUẬN

Qua quá trình nghiên cứu lý luận kết hợp với việc tìm hiểu thực tế công tác kế toán lập và phân tích bảng cân đối kế toán tại công ty cổ phần Bê tông và phát triển hạ tầng Hải Phòng, em nhận thấy được vai trò hết sức quan trọng của các thông tin kế toán cũng như các thông tin phân tích tài chính mà bảng cân đối kế toán mang lại đối với ban lãnh đạo đơn vị trong việc hoạch định các chiến lược phát triển hoạt động cho doanh nghiệp trong tương lai.

Với đề tài “Hoàn thiện công tác lập và phân tích bảng cân đối kế toán tại công ty cổ phần Bê tông và phát triển hạ tầng Hải Phòng”, em đã có điều kiện tiếp xúc thực tế công tác tổ chức lập và phân tích bảng cân đối kế toán của công ty và đã khái quát được một số vấn đề sau:

- Về mặt lý luận: Hệ thống hóa được những vấn đề lý luận cơ bản về công tác lập và phân tích bảng cân đối kế toán trong doanh nghiệp

- Về mặt thực tiễn: Tìm hiểu được thực tế công tác lập và phân tích bảng cân đối kế toán tại công ty cổ phần Bê tông và phát triển hạ tầng Hải Phòng.

Từ đó đánh giá được những ưu, nhược điểm trong công tác kế toán và công tác lập và phân tích bảng cân đối kế toán tại đơn vị thực tập. Trên cơ sở đó đề xuất một số ý kiến đóng góp nhằm hoàn thiện công tác lập và phân tích bảng cân đối kế toán tại công ty cổ phần Bê tông và phát triển hạ tầng Hải Phòng.

Do thời gian thực tập và kiến thức bản thân có hạn, nên em không tránh khỏi những sai sót trong bài viết này. Em mong nhận được những ý kiến và sự chỉ bảo của các thầy cô giáo để bài khóa luận tốt nghiệp của em được hoàn thiện hơn.

Một lần nữa em xin chân thành cảm ơn giảng viên Thạc sỹ Hòa Thị Thanh Hương đã hết lòng hướng dẫn chỉ dạy cho em; chân thành cảm ơn các cô các chị phòng tài chính tổng hợp công ty cổ phần Bê tông và phát triển hạ tầng Hải Phòng đã cung cấp số liệu và nhiệt tình giúp đỡ để em hoàn thành bài khóa luận tốt nghiệp này.

Em xin chân thành cảm ơn !

Hải Phòng, ngày 30 tháng 6 năm 2010

Sinh viên

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Tài liệu môn học “Phân tích hoạt động kinh doanh” của tác giả Ths. Hòa Thị Thanh Hương, bộ môn quản trị kinh doanh, trường đại học Dân lập Hải Phòng.
2. Giáo trình “Kế toán tài chính” của tác giả TS. Phan Đức Dũng- NXB Thống kê năm 2007.
3. “Quyết định số 48/2006/QĐ – BTC” ban hành ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng Bộ tài Chính về việc ban hành Chế độ Kế toán Doanh nghiệp nhỏ và vừa.
4. “Chuẩn mực kế toán số 21- Trình bày báo cáo tài chính” theo quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành và công bố sáu (06) chuẩn mực kế toán Việt Nam (đợt 3).
5. Tài liệu sổ sách, báo cáo tài chính năm 2010 và năm 2009 của công ty cổ phần Bê tông và phát triển hạ tầng Hải Phòng.
6. Thông tin từ website www.webketoan.com, www.vatgia.com ...